



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐẶNG THỊ HẢO TÂM (Chủ biên)
PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THU TRANG

Luyện tập TIẾNG VIỆT

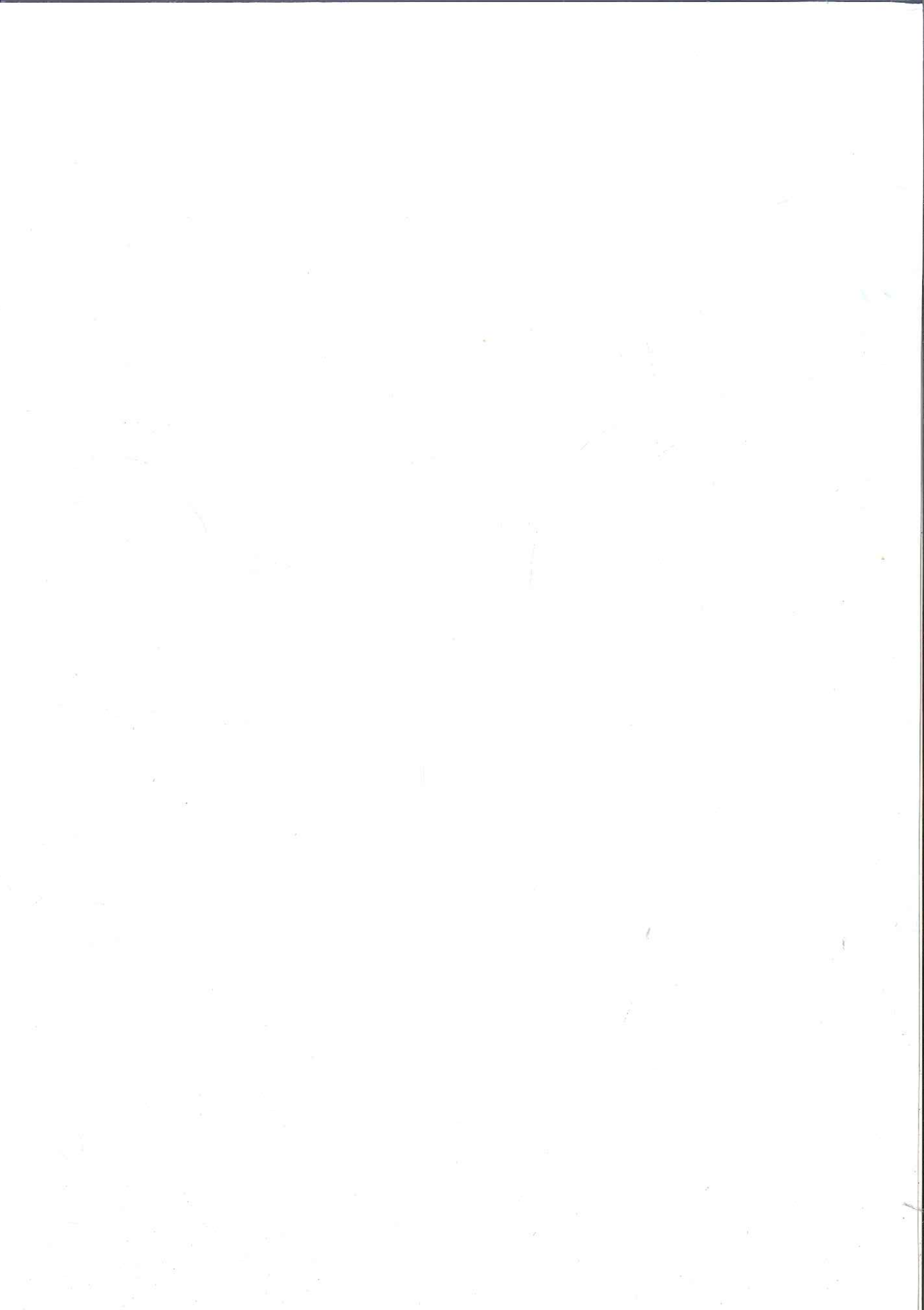
Lớp

4

TẬP MỘT

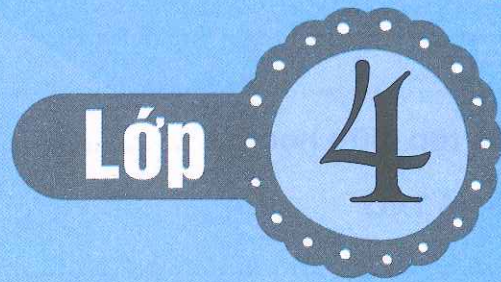


NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



ĐẶNG THỊ HẢO TÂM (Chủ biên)
PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THU TRANG

Luyện tập **TIẾNG VIỆT**



TẬP MỘT

MỤC LỤC

Trang

MỖI NGƯỜI MỘT VẼ

Tuần 1	3
Tuần 2	7
Tuần 3	11
Tuần 4	15

TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ

Tuần 5	19
Tuần 6	22
Tuần 7	25
Tuần 8	29
Tuần 9. Ôn tập giữa học kì I	33

NIỀM VUI SÁNG TẠO

Tuần 10	37
Tuần 11	41
Tuần 12	45
Tuần 13	48

CHẤP CÁNH ƯỚC MƠ

Tuần 14	52
Tuần 15	56
Tuần 16	60
Tuần 17	64
Tuần 18 Ôn tập cuối học kì I	68

MỖI NGƯỜI MỘT VẼ

Tuần

1

Tiết 1

CHỮ O VÀ CON SỐ 0

Chữ O đi chơi tung tăng một mình. Nó bất chợt gặp con số 0, số 0 cũng lẻ loi đang vừa đi vừa đếm. Chữ O lấy làm lạ, bèn hỏi:

– Đẳng ấy ơi, đẳng ấy có họ với mình phải không?

Số 0 tròn môi, đáp lại:

– Đâu có. Tớ chính là tớ thôi, số "không" tròn trĩnh ấy mà.

Nghe thấy thế, chữ O bèn nói xẵng:

– Bậy nào! Đẳng ấy bắt chước tớ thì có. Bắt chước là xấu lắm! Chỉ có một chữ O tròn xoe là tớ mà thôi.

Số 0 lặng lẽ đi về nhà. Nó không muốn phân bua đúng sai, hơn thiệt.

Thế rồi có một hôm, gia đình số 0 nhận được thư của một người bà con ở miền Trung gửi ra. Trong thư, o (cô) Xuân viết là "hôn cháu 10 cái", nhưng số 1 mờ quá, thành ra o hôn cháu 0 cái, tức là "không hôn". Số 0 mang bức thư ấy đưa cho chữ O xem. Từ đó, chữ O nhận ra rằng người ta không bắt chước mình, người ta là số 0. Chữ O và con số 0 chỉ giống nhau ở vẻ bề ngoài. O là chữ cái, 0 là chữ số. Làm sao có thể nói chữ O và số 0 là có họ hàng, bà con hoặc bắt chước nhau được?

Khi đã hiểu ra rồi, chữ O kết thân với số 0. Hai bạn nhiều khi sóng bước bên nhau quấn quýt không rời. Chẳng thế mà mới đây, o Xuân vừa nhận được một thùng quà rất nặng từ quê ngoại gửi ra với lời nhắn: "Vườn nhà con năm nay có nhiều loại quả lắm, chúng con hái 10 quả mỗi loại gửi sang biểu o đây ạ."

(Theo Phạm Đình Ân)



1. Chữ O nói gì về số 0?

- A. Đẳng ấy bắt chước tứ, bắt chước là xấu lắm.
- B. Đẳng ấy có họ hàng với tứ đấy.
- C. Đẳng ấy cũng lẻ loi đơn độc như tứ.
- D. Đẳng ấy tròn trĩnh thế.

2. Số 0 trả lời chữ O thế nào?

- A. Tứ không có họ hàng gì với cậu.
- B. Tứ chỉ là tứ thôi.
- C. Tứ không muốn phân bua đúng sai với cậu.
- D. Hai ý A và B.

3. Vì sao chữ O nhận ra là số 0 không hề bắt chước mình?

- A. Gia đình chữ O nhận được thư của một người bà con.
- B. Gia đình số 0 nhận được thư của một người bà con.
- C. Số 0 mang bức thư của người bà con đưa cho chữ O xem.
- D. Số 0 phân bua giải thích cho chữ O về mình.

4. Từ hôm đó, chữ O hiểu ra điều gì?

- A. Chữ O và số 0 không có họ hàng gì.
- B. Chữ O và số 0 là hai người bạn có thể kết thân với nhau.
- C. Không có số 0 thì chữ O cũng rất lẻ loi.
- D. Hai ý A và B.

5. Câu chuyện Chữ O và con số 0 muốn nói đến điều gì?

- A. Hai sự vật có tên gọi khác nhau là phải khác nhau.
- B. Sự khác biệt trong cuộc sống luôn làm nên những điều thú vị.
- C. Hình thức bên ngoài và nội dung bên trong vừa thống nhất vừa không thống nhất.

Ý kiến của em:

.....

6. Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ O đứng trước chữ nào, sau chữ nào?
Trong dãy số tự nhiên, số 0 đứng trước số nào, sau số nào?

.....
.....

Tiết 2



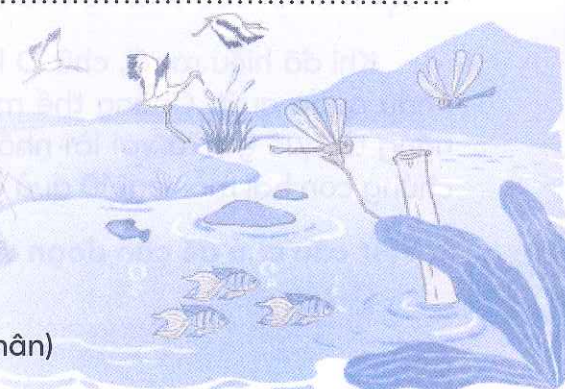
1. Ghi lại danh từ trong mỗi đoạn sau:

a) Khi đã hiểu ra rồi, chữ O kết thân với số 0. Hai bạn nhiều khi sóng bước bên nhau quẩn quýt không rời. Chẳng thế mà mới đây, o Xuân nhận được một thùng quà rất nặng từ quê ngoại gửi ra với lời nhắn: "Vườn nhà con năm nay có nhiều loại quả lắm, chúng con hái 10 quả mỗi loại gửi sang biếu o đây ạ."

.....
.....

b) Con cò trong câu ca dao
Bay vào giấc ngủ trắng phau giọng bà
Bà đưa cháu đến đồng xa
Con cò theo mẹ la đà dòng mương
Bà đưa cháu đến Trường Sơn
Con cò theo bố rập rờn nguy trang.

(Hoàng Hiếu Nhân)



.....
.....

2. Xếp các danh từ sau vào nhóm thích hợp.

nhân dân, giáo viên, xe đạp, bàn ghế, sấm, chóp, thước kẻ, bút bi, bác sĩ, thợ xây, ông nội, bà nội, giường, tủ, cơn lốc, gió bắc, mưa phùn, mưa rào, buổi sáng, buổi trưa, ngày, tháng

a) Danh từ chỉ người: nhân dân,.....
.....

b) Danh từ chỉ đồ vật: xe máy,.....
.....

c) Danh từ chỉ thời gian: *buổi sáng*,

d) Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: *sóng thần*,

3. Với mỗi danh từ dưới đây, hãy đặt một câu.

- bà nội:
- xe đạp:
- buổi sáng:
- mưa rào:



Tiết 3

1. Gạch dưới câu chủ đề của đoạn văn sau:

Khi đã hiểu ra rồi, chữ O kết thân với số 0. Hai bạn nhiều khi sóng bước bên nhau quấn quýt. Chẳng thế mà mới đây, o Xuân nhận được một thùng quà rất nặng từ quê gửi ra với lời nhắn: "Vườn nhà con năm nay có nhiều loại quả lắm, chúng con hái mỗi loại 10 quả gửi sang biếu o đây ạ."

2. Viết câu chủ đề cho đoạn văn ở bài tập 1 theo ý của em.

.....
.....

3. Em chọn câu nào làm câu chủ đề cho mỗi đoạn văn ở dưới?

- (1) Nhà bà ngoại ở quê giản dị mà thoáng mát.
- (2) Bên vệ đường, sừng sững một cây sồi.
a) Giàn hoa giấy loà xoà phủ đầy hiên. Vườn có đủ thứ hoa trái. Nào hoa hòe, hoa huệ, hoa quỳ, hoa lan,... Nào trái cam, trái chanh, trái mãng cầu, trái dâu da,... Hương hoa thoang thoảng khắp vườn, nhất là về khuya. Nghỉ hè về nhà bà ngoại tha hồ chạy nhảy và hái trái cây.

(Theo *Tiếng Việt 1 tập hai*, Công nghệ giáo dục, 1997)

Câu chủ đề:

b) Cây sồi to lớn, hai người ôm không xuể, có cành đã gãy từ lâu, vỏ cây nứt nẻ đầy vết sẹo. Với những cánh tay to xù xì, không cân đối, với những

ngón tay quều quào xoè rộng, nó như một con quái vật già nua, cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười.

(Theo Lép Tôn-xtôi)

Câu chủ đề:

Tuần

2

Tiết 1

NGƯỜI ĐẦU LỚP



Ga-rô-nê chinh phục tất cả mọi tấm lòng thì Đê-rốt-xi chinh phục tất cả các điểm tốt. Đê-rốt-xi đã được huy chương thứ Nhất và năm nay, rồi cậu sẽ lại đứng đầu lớp nữa. Chẳng có ai địch nổi cậu. Người ta phải công nhận cậu tội hản về mọi môn học. Nhất về Toán, về Ngữ pháp, về Tập làm văn, về Vẽ. Cậu hiểu bài một cách dễ dàng vô cùng và có một trí nhớ đáng kinh ngạc. Lúc nào cậu cũng đạt kết quả tốt mà chẳng phải cố gắng gì cả và hình như việc học đối với cậu chỉ là một trò chơi. Hôm qua thầy giáo còn bảo cậu "Thiên tư của con rất lớn, cố gắng đừng hoang phí một các vô ích."

Thực ra cũng không thể nào mà không đố kị với cậu được, khi mà người ta tự thấy mình kém cậu về mọi mặt. Ôi, tôi cũng như Vô-ti-ni, tôi cũng sinh lòng đố kị với Đê-rốt-xi! Tôi thấy cay đắng, gần như cay cú. Khi tôi ở nhà làm bài, tôi nghĩ rằng Đê-rốt-xi chắc đã làm xong bài dễ dàng và chẳng sai chút nào cả. Thế nhưng khi đến lớp, trông thấy bạn tôi tươi cười, đẹp trai và đắc thắng, khi nghe cậu trả lời những câu hỏi của thầy giáo, những câu trả lời lúc nào cũng rõ ràng, chính xác, thì tự nhiên tất cả nỗi cay đắng, tất cả lòng cay cú đều tiêu tan hết. Và tự tôi lấy làm xấu hổ vì đã có những nỗi lòng ti tiện ấy.

Tôi muốn luôn được ở cạnh Ê-rốt-xi, cùng được học tất cả các lớp với cậu, vì sự có mặt của cậu đem cho tôi lòng can đảm và ham học, nhiệt tình của cậu đã chia sẻ sang cho tôi [...]. Tôi rất sung sướng nếu có thể nói với cậu rằng: "Ê-rốt-xi ạ, cậu hơn tôi nhiều, cậu là một người lớn so với En-ri-cô bé nhỏ. En-ri-cô kính trọng cậu và muốn noi gương cậu."

(A-mi-xi)



1. Nối đúng nhận xét của En-ri-cô về hai bạn trong lớp.

Ga-rô-nê

Ê-rốt-xi

chinh phục tất cả các điểm số

chinh phục mọi tấm lòng

2. Theo bạn nhỏ, ai là người đầu lớp?

- A. Ga-rô-nê B. Ê-rốt-xi C. Vô-ti-ni D. En-ri-cô

3. Những chi tiết nào cho biết người đầu lớp rất xứng đáng với danh hiệu này?

- A. Trội hẳn về tất cả các môn học, từng được huân chương thứ Nhất.
B. Hiểu bài một cách dễ dàng và có trí nhớ đáng kinh ngạc.
C. Thiên tư rất lớn, chẳng có ai địch nổi.
D. Cả ba ý trên.

4. Những ai từng đổ kị với người đầu lớp?

- A. chỉ có Vô-ti-ni C. chỉ có Ga-rô-nê
B. chỉ có En-ri-cô D. En-ri-cô và Vô-ti-ni

5. Theo em, En-ri-cô là người thế nào?

- A. Nhận thức được tính xấu của mình và tính tốt của bạn.
B. Biết chiến thắng bản thân, vượt qua được thói đổ kị với bạn.
C. Có ý thức học hỏi các bạn trong lớp.

Ý kiến khác của em:

.....

6. Ở lớp em, ai là người đầu lớp? Em muốn học được điều gì ở bạn đứng đầu lớp em? Vì sao?

.....
.....

Tiết 2



1. Chép lại cho đúng và đẹp các danh từ riêng có trong bài *Người đầu lớp*.

.....
.....

2. Tìm các danh từ trong mỗi đoạn sau và xếp chúng vào hai nhóm.

a) Ác-bo-a là một thị trấn nhỏ, không có những lâu đài đồ sộ, nguy nga, chỉ thấy những ngôi nhà nhỏ bé, cổ kính và những vườn nho con con. Dòng sông Quy-giăng-xơ hiền hoà lượn quanh thành phố với những chiếc cầu trắng phau. Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy Rơ-nê đã già, tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, nhưng đi lại vẫn nhanh nhẹn. Thầy cứ lắc đầu chê Lu-i còn bé quá.

(Theo Đức Hoài)

b) Cột cờ Lũng Cú được xây dựng trên đỉnh núi Rồng thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Đoạn	Danh từ chung	Danh từ riêng
a
b

3. Điền vào chỗ trống và cho ví dụ.

danh từ chung/ danh từ riêng

a) Tên các tỉnh, thành phố ở nước ta là:

Ví dụ:

b) Thôn, xã, phường, huyện, quận, thị xã, tỉnh, thành phố là:

Ví dụ:

c) Các từ chỉ hiện tượng tự nhiên là:

Ví dụ:

4. **Viết đúng và đầy đủ địa chỉ nhà em (số nhà hoặc tên xóm/ thôn/ bản/ phố/ đường; tên xã hoặc phường; tên huyện hoặc quận; tên tỉnh hoặc thành phố).**

.....
.....

Tiết 3



Đề bài: Viết đoạn văn nêu ý kiến của em về việc thi đua với bạn trong tổ hoặc lớp em.

1. Tìm ý.

(Gợi ý: Mỗi bạn trong tổ hoặc lớp em có đặc điểm riêng như thế nào về học tập/ tính cách/ điều kiện/ hoàn cảnh? Tình cảm của em đối với các bạn thế nào? Theo em, có nên ganh đua/ thi đua với bạn về học tập không? Vì sao nên và không nên? Theo em, nếu muốn học tốt như bạn, cần phải làm gì?)

.....
.....
.....
.....
.....

2. Từ kết quả tìm ý ở trên, viết hoàn chỉnh đoạn văn.

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

(Tham khảo: Trong tổ của em, bạn nào cũng rất đáng yêu. Bạn Hoa rất dí dỏm, hài hước. Bạn Vân Anh lẫm lì, ít nói nhưng bạn ấy là một "ca sĩ" của lớp. Bạn Quốc chăm chỉ nhất lớp, đọc nhiều sách, cái gì cũng biết nên có biệt danh là "giáo sư" Quốc. Bạn Quang cao, lười ăn và gầy nhất tổ. Ngồi ngay cạnh Quang là bạn Tuấn mập rất thích ăn vặt và háu ăn. Bạn nào cũng tốt bụng và rất dễ thương. Em rất yêu các bạn.)

Tuần 3

Tiết 1

CÂY SỒI VÀ CÂY SẬY

Có một cây sồi mọc ở bờ sông. Nó cao lớn sừng sững, khinh khỉnh nhìn xuống đám sậy nhỏ bé, thấp chùn dưới chân mình.

Thế rồi một hôm, trời nổi cơn cuồng phong dữ dội. Cây sồi bị bão thổi nghiêng ngả. Cành lá dập nát, tả tơi. Suốt đêm chống chọi không nổi, cây sồi bật gốc, đổ xuống dòng sông, cuốn trôi theo dòng nước. Nó phát hiện những cây sậy nhỏ bé mọc ở hai bên bờ sông vẫn đứng hiên ngang. Quá đỗi ngạc nhiên, nó bèn cất tiếng hỏi cây sậy:

– Anh sậy ơi, anh nhỏ bé, yếu ớt thế kia, mà sao không bị gió thổi đổ? Còn tôi to lớn thế này, sao lại bị bật cả gốc và bị cuốn trôi theo dòng nước?

Cây sậy trả lời:

– Anh tuy to lớn nhưng đứng một mình. Còn tôi tuy nhỏ bé, yếu ớt nhưng luôn luôn có hàng ngàn, hàng vạn bạn bè đứng cạnh tôi. Chúng tôi dựa vào nhau để chống chọi với thiên tai, gió bão. Cho nên dù gió có to hơn nữa, cũng chẳng thể nào xô đổ được chúng tôi.

(Theo Truyện ngụ ngôn thế giới)



1. Cây sồi có thái độ như thế nào với những cây sậy?

- A. Không để ý đến những cây sậy.
- B. Coi thường đám sậy nhỏ bé thấp chùn.
- C. Thân thiết, thích kết bạn với những cây sậy.
- D. Ngưỡng mộ những cây sậy nhỏ bé nhưng kiên cường.

2. Khi cơn cuồng phong đến, chuyện gì đã xảy ra?

- A. Những cây sậy bị bật gốc trôi theo dòng nước.
- B. Tất cả cây cối đều bị gió bão làm đổ gục.
- C. Cây sồi bị bật gốc trôi theo dòng nước, còn những cây sậy vẫn đứng hiên ngang.
- D. Những cây sậy nhỏ bé ngã rạp trong gió.

3. Vì sao cây sồi bị gió bão làm đổ?

- A. Vì cây sồi nhỏ bé, yếu ớt.
- B. Vì cây sồi đứng một mình.
- C. Vì cây sồi quá to lớn.
- D. Vì cây sồi kiêu ngạo, coi thường bão gió.

4. Theo em, vì sao những cây sậy không bị gió bão quật đổ?

- A. Vì những cây sậy biết dựa vào nhau để chống chọi với gió bão.
- B. Vì những cây sậy bé nhỏ.
- C. Vì những cây sậy có bộ rễ khoẻ, bám chắc vào lòng đất.
- D. Vì những cây sậy quá thấp, gió bão không làm gì được.

5. Câu chuyện này khuyên chúng ta điều gì?

- A. Không nên coi thường những cây sậy bé nhỏ.
- B. Không nên kiêu ngạo như cây sồi.
- C. Cần phải đoàn kết, vì đoàn kết tạo nên sức mạnh.
- D. Không nên sống riêng lẻ.

Tiết 2



1. Tìm các danh từ trong đoạn văn sau, xếp vào nhóm thích hợp.

Có một cây sồi mọc ở bờ sông. Nó cao lớn sừng sững, khinh khỉnh nhìn xuống đám sậy nhỏ bé, thấp chùn dưới chân mình.

Thế rồi một hôm, trời nổi cơn cuồng phong dữ dội. Cây sồi bị bão thổi nghiêng ngã. Cành lá dập nát, tả tơi. Suốt đêm chống chọi không nổi, cây sồi bật gốc, đổ xuống dòng sông, cuốn trôi theo dòng nước. Nó phát hiện thấy những cây sậy nhỏ bé mọc ở hai bên bờ sông vẫn đứng hiên ngang.

a) Danh từ chỉ sự vật
b) Danh từ chỉ thời gian
c) Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

2. Tìm danh từ chung và danh từ riêng (chưa được viết hoa) trong đoạn thơ. Viết hoa cho đúng vào phần trống ở dưới.

Than phấn mễ, thiếc cao bằng
Phố phường như nắm như măng giữa trời. [...]
Ai về mua vại hương canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng.
Chiếu nga sơn, gạch bát tràng
Vải tơ nam định lụa hàng hà đông.

(Theo Tố Hữu)

Danh từ chung	Danh từ riêng
M: than,	M: Phấn Mễ,
.....
.....
.....

3. Viết 2 câu có dùng danh từ chỉ thời gian, chỉ sự vật, chỉ hiện tượng tự nhiên để nói về cây sồi và cây sậy trong bài đọc trên.

.....

.....

Tiết 3



Đọc đoạn văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Trong tổ của em, mỗi bạn một kiểu. Bạn Vân Anh rất điệu đà, duyên dáng, hầm hờ. Bạn Nhi lại điềm đạm, láu táu, ít nói, nhưng bạn ấy là một "ca sĩ" của lớp. Bạn Hải ngịch ngợm, chăm học nhất lớp, có biệt danh là "cây toán". Bạn Quang cao kều, nhưng thông minh, láu lĩnh nhất tổ, được gọi là "Vinh lém". Ngồi cùng bàn với Quang là bạn Vinh "vòi" tạo thành một cặp "bóng nhựa" và "bút thép" của tổ. Với em bạn nào cũng rất dễ thương.

a) Chỉ ra các lỗi trong đoạn.

.....

.....

.....

.....

b) Sửa lỗi và chép lại đoạn văn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

Tuần

4

Tiết 1

TIẾNG HÁT BUỔI SỚM MAI

Rạng đông, mặt trời toả những tia nắng dịu dàng xuống muôn vật. Bên bìa rừng có một bông hoa lạ, năm cánh mịn như nhung. Bông hoa toả hương thơm ngát. Quanh nó thấp thoáng những cánh bướm dập dờn.

Mặt trời mỉm cười với hoa. Thế là bông hoa cất tiếng hát. Nó hát mãi, hát mãi. Cuối cùng, nó hỏi gió xem có thích bài hát đó không.

Gió ngạc nhiên:

– Ơ, chính tôi hát đấy chứ? Tôi đã làm những cánh hoa của bạn đung đưa, tạo thành tiếng lao xao nên bạn cứ tưởng mình hát.

Hoa lại hỏi sương. Những hạt sương long lanh trả lời:

– Bạn nhầm rồi! Đó chính là tiếng ngân nga thánh thót của chúng tôi.

Tranh cãi mãi, chẳng ai chịu ai. Hoa, gió và sương quyết định hỏi bác gác rừng. Bác gác rừng ôn tồn giải thích:

– Mỗi buổi sớm mai, khi mặt trời bắt đầu sưởi ấm vạn vật, muôn loài đều hân hoan hát ca. Nhưng mỗi loài có tiếng hát của riêng mình. Có biết lắng nghe nhau mới hiểu được tiếng hát của nhau, các cháu ạ.

(Theo Truyện nước ngoài)

1. Câu chuyện có những nhân vật nào?

- A. mặt trời, gió, sương, hoa, chim hoạ mi
- B. bác gác rừng, mặt trời, gió, sương, hoa, chim hoạ mi

C. mặt trời, gió, sương, hoa, bác gác rừng

D. mặt trời, gió, sương, hoa, chim họa mi, nhà thông thái

2. Hoa hỏi gió và sương điều gì?

A. Bạn có thích bài hát của tôi không?

B. Bạn có thích hát cùng tôi không?

C. Bạn hát hay tôi hát đấy nhỉ?

D. Bạn có nghe thấy tôi hát không?

3. Gió và sương trả lời thế nào?

A. Ơ, đó là bạn hát à?

B. Bài hát ấy không hay bằng bài hát của chúng tôi.

C. Đó là tôi (chúng tôi) hát đấy chứ!

D. Chúng tôi không nghe thấy bạn hát.

4. Khi được các bạn hỏi, bác gác rừng nói gì?

.....

.....

.....

5. Theo em, vì sao hoa, gió và sương không nghe được tiếng hát của nhau?

A. Vì mỗi vật đều hát to quá, át tiếng hát của nhau.

B. Vì gió và sương đung đưa và ngân nga thánh thót.

C. Vì chúng không biết cách lắng nghe nhau.

D. Vì chúng không có "tiếng hát" chung.

6. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì? (Chọn ý em thích nhất.)

A. Cần biết cách khen ngợi, khích lệ bạn.

B. Cần biết cách lắng nghe để hiểu nhau.

C. Mỗi loài, mỗi vật đều có tiếng nói riêng.

D. Hiểu được sự khác biệt để chung sống với nhau.

Tiết 2



1. Viết tên riêng trong ba đoạn dưới đây vào nhóm thích hợp.

a. UNICEF Việt Nam là một trong 190 văn phòng của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc trên toàn thế giới và thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.

b. Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh là một tổ chức dành cho thiếu niên, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phụ trách hướng dẫn. Ngày 15 tháng 05 năm 1941, Đội Nhi đồng Cứu quốc đầu tiên (tiền thân của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh) được thành lập tại thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

c. Nguyễn Trãi là người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, cha là Nguyễn Phi Khanh, ông ngoại là Trần Nguyên Đán.

Tên riêng địa lí	Tên cơ quan, tổ chức	Tên người
.....
.....
.....
.....
.....

2. Viết đúng và đẹp:

a) Tên trường tiểu học của em:

b) Tên tổ chức Đội ở trường em:

c) Tên một câu lạc bộ mà em mong muốn được tham gia:

d) Tên đầy đủ của một cầu thủ (hoặc một vận động viên) em yêu mến:

Tiết 3



Đề bài: Đóng vai tổ trưởng, viết báo cáo nề nếp và kết quả học tập của tổ em trong giờ sinh hoạt lớp cuối tháng.

Gợi ý: – Về kết quả học tập trong 4 tuần học: Kết quả bài khảo sát đầu năm học (ghi điểm số của từng bạn)

- Về nề nếp kỉ luật vệ sinh: Tốt – Đạt – Chưa đạt (số bạn ở từng mức)
- Về hoạt động ngoài giờ: Tốt – Đạt – Chưa đạt (cụ thể số bạn ở từng mức)
- Về trang phục: Tốt – Đạt – Chưa đạt (cụ thể số bạn ở từng, mức)
- Về tinh thần chuẩn bị bài: Tốt – Đạt – Chưa đạt (cụ thể số bạn ở từng mức)
- Về tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm: Tốt – Đạt – Chưa đạt (cụ thể số bạn ở từng mức)
- Về tinh thần trách nhiệm trong công việc: Tốt – Đạt – Chưa đạt (cụ thể số bạn ở từng mức)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ

Tuần 5

Tiết 1

VƯỜN QUÊ

Mùa thu về quê ngoại
Bà lại ra vườn nhà
Trẩy cho cháu quả na
Và cho quà trái thị.

Mảnh vườn bà xanh thắm
Nắng trở như hoa cau
Cây bưởi bà trồng đó
Đã bói quả khi nào.

Gió đưa thoảng hương vào
Cả một vùng cúc nở
Những cánh hoa nhẹ ngả
Trên tay bà nâng niu.

Bà dắt cháu đi theo
Chỉ khắp vườn, mọi chỗ
Vụ này vừa ngả mía
Vấn vít đậu đang leo.

Ơi mảnh vườn thơm thảo
Như hồn hậu lòng bà
Mùa thu về quê ngoại
Cháu nhớ nhiều khi xa...

(Nguyễn Thanh Kim)

1. Bạn nhỏ về quê ngoại vào mùa nào ?

- A. Mùa xuân B. Mùa hạ C. Mùa thu D. Mùa đông

2. Vườn nhà bà trồng những cây gì?

- A. chỉ có các cây ăn quả C. các loài hoa và cây ăn quả
B. na, thị, cau, bưởi, mía, đậu, cúc D. cả ba ý trên

3. Dòng thơ "Nắng trở như hoa cau" miêu tả điều gì?

- A. Nắng vàng rải khắp vườn như hoa cau nở.
- B. Hoa cau nở vàng như những tia nắng.
- C. Hoa cau vàng như nắng trở.
- D. Cả ba ý trên.

4. Em hiểu "Vụ này vừa ngã mía" là gì?

- A. Vụ này vừa trồng mía.
- B. Vụ này vừa thu hoạch mía.
- C. Vụ này sắp trồng mía.
- D. Vụ mía bị đổ ra vườn.

5. Theo em, hai dòng thơ *Ơi mảnh vườn thơm thảo/ Như hồn hậu lòng bà* ý nói gì?

- A. Bà rất hiền hậu.
- B. Vườn nhà bà rất thơm.
- C. Vườn thơm như tấm lòng thơm thảo, hồn hậu của bà.

Ý kiến khác của em:

.....

Tiết 2



1. Tìm các động từ trong bài thơ *Vườn quê*.

.....
.....

2. Đọc lại bài *Cây sồi và cây sậy*, cho biết: Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ hoạt động, trạng thái?

- A. mọc, nhìn, thổi, đổ, trôi, phát hiện, đứng, ngạc nhiên, hỏi
- B. mọc, sừng sững, nhìn, thổi, đổ, phát hiện, đứng, ngạc nhiên, hỏi
- C. mọc, nhìn, cuồng phong, thổi, đổ, trôi, đứng, ngạc nhiên, hỏi

3. Chép lại các động từ có trong các đoạn thơ sau và xếp vào từng nhóm.

a) Nắng vàng tươi rải nhẹ
Bưởi tròn mọng trĩu cành
Hong chín như đèn đỏ
Thấp trong lùm cây xanh

Trời: trong, cao bát ngát
Đồng: sóng lúa rì rào
Điều lên như cánh én
Ngang với trời trắng sao.

(Tập đọc lớp 5, 1980)

b) Mặt trời vừa rạng đằng đông
 Mẹ đã cõng nước dưới sông tưới cà
 Bố tôi bận cuộc họp xa
 Vội vã khiêng chiếc cặp da đi rồi
 Chị hai vác cuốc lên đồi
 Chăm mấy hàng quế mẹ tôi vừa trồng.

(Theo *Toán tuổi thơ* số 90)

Động từ chỉ hoạt động:

.....

Động từ chỉ trạng thái:

.....

4. Với mỗi động từ dưới đây đặt một câu tả cảnh trên đường về quê.

- rì rào:

- vội vã:

Tiết 3



Đề bài. Thuật lại một lần em được về thăm quê.

1. Tìm ý

Quê nội (hoặc quê ngoại) em ở đâu?
Em về quê khi nào? Buổi sáng hay buổi chiều? Em đi cùng với ai, bằng phương tiện gì? Thời tiết hôm đó thế nào? Cảm nhận của em ra sao?
Em thích những gì ở quê? Em nhớ nhất điều gì mỗi lần về quê?

2. Từ kết quả tìm ý ở trên, viết hoàn chỉnh bài văn thuật lại một lần em được về thăm quê.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 6

Tiết 1



CÂY BAN VÀ CÂY SỐ

Cùng đứng ở bờ suối kia có cây ban và cây số. Ban thì nhiều hoa mà số thì sai quả. Cây ban thon thả, vòm ban mềm mại. Cây số xù xì, gân guốc. Hoa ban thơm dễ chịu, cánh hoa mềm như cánh bướm. Hoa số mọc đơn lẻ, cánh dày, nép mình trong kẽ lá. Quả số tròn, đặc xịt như cái nắm tay treo trên cành xanh non.

Hai cây đứng hai bên bờ suối nhìn sang nhau.

Mấy hôm nay, hoa ban nở trắng muốt như mây. Đàn bướm vàng dập dờn lúc bay, lúc lượn theo nhịp gió, đùa vui cùng hoa ban. Cây số đứng im lìm và thầm ghen với cây ban. Số bỗng hỏi với sang ban:

– Này, đặng ấy có quả không thế?

Ban vươn cành:

– Không, mùa này tôi chỉ có hoa. Cũng như anh, phải ít lâu nữa anh mới ra hoa rồi ra quả.

– Ô. Quả của tớ to hơn!

Hôm trước Tết, cây sỏ được mắc trên cành những sợi dây có treo từng chùm quả lấp lánh đủ màu sắc. Những quả ấy ban ngày chỉ lấp ló, nhưng đêm tối thì sáng rực lên, biến thành những bông hoa phát sáng. Nó ngỡ ngàng và reo lên:

– Ban ơi, tớ cũng có hoa rồi nhé.

Cây ban hớn hở:

– Chúc mừng cậu!

Song cây sỏ lại chỉ nghĩ: Vậy là nó hơn ban rồi. Hoa của sỏ còn có đủ các màu sắc.

Ngay sau Tết thì chùm quả được gỡ đi. Cây sỏ trở lại với cái thân xù xì mốc thối rồi nó chìm vào bóng tối. Nó không biết đó là những bóng đèn điện người ta mắc nhờ lên nó để đón chào năm mới.

(Vũ Anh sưu tầm và tổng hợp)



1. Trong bài, cây ban và cây sỏ có điểm gì giống nhau?

- A. Cùng đứng bên bờ suối.
- B. Cùng nhau đơm hoa.
- C. Cùng nhau ra quả.
- D. Hai ý A và B.

2. Cây ban và cây sỏ có điểm nào khác nhau?

- A. Ban có nhiều quả và sỏ rất nhiều hoa.
- B. Ban có nhiều hoa, còn sỏ lại sai quả nhưng mùa này sỏ chưa ra quả.
- C. Ban đang ra hoa.
- D. Sỏ chưa ra quả.

3. Cây ban được miêu tả thế nào?

- A. Cây thon thả, hoa trắng muốt.
- B. Cây xù xì, hoa tím phớt.
- C. Cây thon thả, quả nhỏ nhắn.
- D. Cây xù xì, quả gân guốc.

4. Số được miêu tả thế nào?

- A. Cây xù xì, gân guốc, quả tròn, đặc xít.
- B. Cây xù xì, gân guốc, quả tròn, xám xít.
- C. Cây xù xì, quả gân guốc như nắm tay.
- D. Cây gân guốc, quả xù xì.

5. Cây số đứng im lìm và thâm ghen với cây ban vì điều gì?

- A. Vì ban nở hoa rất đẹp.
- B. Vì đàn bướm vàng rập rờn bay lượn, đùa vui với hoa ban.
- C. Vì ban có thân hình thon thả, cành lá xanh non.
- D. Cả hai ý A và B

6. Theo em, vì sao khi được mắc trên cành những sợi dây có treo từng chùm quả lấp lánh đủ màu sắc, số ngỡ ngàng và reo lên "Ban ơi, bây giờ cũng có hoa rồi nhé".?

- A. Số rất thích những chùm quả đủ màu sắc.
- B. Số rất thích có hoa như ban.
- C. Số rất thích có hoa đủ các màu sắc.
- D. Số rất thích những bông hoa phát sáng.

7. Câu chuyện *Cây ban và cây số* muốn nói với chúng ta điều gì?

- A. Ban và số là hai loài khác nhau.
- B. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh.
- C. Cần biết quý những gì mà mình có.
- D. Không nên đứng núi này trông núi khác.

Tiết 2



1. Đọc đoạn văn sau, gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại.

Mấy hôm nay, hoa ban nở trắng muốt như mây. Đàn bướm vàng dập dờn lúc bay, lúc lượn theo nhịp gió, đùa vui cùng hoa ban. Cây số đứng im lìm và thâm ghen với cây ban.

- a) hoa, nở, bay, lượn, đùa, đứng, ghen
- b) ban, bướm, gió, mây, dập dờn

2. Điền từ thích hợp để hoàn chỉnh văn bản ở dưới:

lẳng nhẳng, ghen tị, hỏi, quấy rầy, lạnh lùng, quát, giận dỗi, trả lời

TẠI SAO?

Một hôm, gà con⁽¹⁾
đi theo gà trống và⁽²⁾:

– Tại sao cò có mỏ dài, chân cao, còn mỏ và chân của em lại ngắn?

– Anh không biết. – Gà trống⁽³⁾
đáp.

– Tại sao thỏ có hai cái tai dài và đẹp, còn em chẳng có tai?

– Đừng⁽⁴⁾ anh nữa!

– Tại sao mèo con có bộ lông đẹp thế, còn bộ lông của em chẳng có gì là đẹp?

– Thôi đi! – Gà trống⁽⁵⁾.

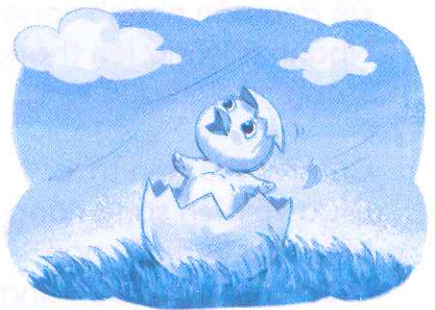
Gà con⁽⁶⁾:

– Tại sao người lớn không muốn⁽⁷⁾ câu hỏi của trẻ con?

Gà trống đáp:

– Bởi vì em không hỏi, em đang⁽⁸⁾ với người khác!

(Theo Ngụ ngôn Nga)



Tuần

7

Tiết 1

QUẢ SẤU NON TRÊN CAO

Chót trên cành cao vót
Mấy quả sấu con con
Như mấy chiếc khuy lục
Trên áo trời xanh non.

Mấy hôm trước còn hoa
Mới thơm đây ngào ngọt,
Thoáng như một nghi ngờ
Trái đã liền có thật.

Trời rộng lớn muôn trùng
Đóng khung vào cửa sổ
Làm mấy quả sấu tơ
Càng nhỏ xinh hơn nữa.

Trái con chưa đủ nặng
Để đeo oằn nhánh cong.
Nhánh hãy giơ lên thẳng
Trông ngây thơ lạ lùng.

Cứ như thế trên trời
Giữa vô biên sáng nắng
Mấy chú quả sấu non
Giữn cả cùng mây trắng.

Ôi! Từ không đến có
Xảy ra như thế nào?
Nay má hây hây gió
Trên lá xanh rào rào.

Một ngày một lớn hơn
Nấn từng vòng nhựa một,
Một sắc nhựa chua giòn
Ôm đọng tròn quanh hạt...

Chao! Cái quả sấu non
Chưa ăn mà đã giòn.
Nó lớn như trời vậy,
Và sẽ thành ngọt ngon.

(Xuân Diệu)



1. Nhà thơ đã gọi quả sấu bằng những cụm từ nào?

2. Những quả sấu non được miêu tả như thế nào trong bốn khổ thơ đầu?

- A. như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, thơm ngào ngọt
- B. nhỏ xinh, ngây thơ, đùa giỡn cùng mây trắng
- C. nhí nhảnh, như những chiếc khuy lục, thơm ngào ngọt
- D. như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đùa giỡn cùng mây trắng

3. Vì sao nhà thơ lại cảm thấy những quả sấu tơ "càng nhỏ xinh hơn nữa"?

- A. Vì chúng ở trên cành cao vót.
- B. Vì chúng là những quả sấu non.
- C. Vì chúng chưa đủ nặng.
- D. Vì chúng là "khuy lục" của áo trời mà trời thì rộng lớn.

4. Em hiểu 2 câu thơ: *Ôi! Từ không đến có/ Xảy ra như thế nào?* nói đến điều gì?

- A. quá trình từ hoa trở thành trái của quả sấu
- B. quá trình trồng cây sấu

- C. quá trình mở cửa sổ để ngắm quả sấu của nhà thơ
- D. quá trình hoa sấu nở

5. Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là gì?

- A. vui sướng
- B. bất ngờ
- C. ngạc nhiên và thích thú
- D. nghi ngờ

6. Qua hình ảnh quả sấu non, tác giả muốn gửi gắm điều gì tới bạn đọc?

.....

.....

Tiết 2



1. Tìm một câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh trong bài thơ Quả sấu non trên cao.

.....

.....

2. Tìm một động từ thay thế từ *giỡn* trong dòng thơ *Giỡn cả cùng mây trắng*.

.....

3. Điền động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc vào chỗ trống cho phù hợp.

a) mong ước, kính yêu

Tôi ở lại với mẹ:

– Mẹcủa con! Không bao giờ con quên được lời mẹ. Rồi mai đây con lên đường, con sẽ hết sức tu tỉnh được như mẹ cho con của mẹ.

(Theo Tô Hoài)

b) tiếc, sững sốt, ghen tức, mừng rỡ

Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều, Còn hai cô chị vợ của Sọ Dừa thì vừa, vừa

(Sọ Dừa)

4. Đặt câu với mỗi từ sau:

mừng, lo lắng, xấu hổ, sợ sệt

-
-
-
-

5. Điền động từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu:

- a) Thời tiết mùa này nắng mưa thất thường nên dễ bị
- b) Em vừa đá bóng về nên rất
- c) Đã 7 giờ tối rồi mà em chưa ăn cơm nên rất
- d) Bạn Hương lớp em bị nên phải nghỉ học.

Tiết 3

Đề bài: Viết bài văn kể lại câu chuyện *Thạch Sanh*.

1. Hãy viết mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp cho đề bài trên.

- Mở bài trực tiếp:

.....

.....

- Mở bài gián tiếp:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Hãy viết kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng cho đề bài trên.

- Kết bài không mở rộng:

.....

.....
.....
- Kết bài mở rộng:

.....
.....
.....
.....

3. Lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện Thạch Sanh.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tuần 8

Tiết 1



TỪ ĐIỂN

Bất kì ai đã tốt nghiệp Trường Tiểu học Lin-côn trong suốt ba mươi lăm năm qua đều có thể vẫn còn nhớ như in cảnh phải đứng tại cái bàn đó, lắng nghe tiếng thét như xung trận của cô Gran-gờ: "Tra đi xem nào! Không phải tự dưng mà chúng ta lại có từ điển!"

Thậm chí khi năm học còn chưa bắt đầu, khi với Ních và đám bạn của nó, hằng còn là mùa hè trước khi vào lớp Năm, cô Gran-gờ đã bận luôn chân luôn tay. Tất cả các phụ huynh của học sinh lớp Năm đều nhận được một lá thư của cô.

Trong một bữa tối tháng Tám, mẹ Ních đã đọc to một phần trong lá thư đó.

Gia đình nào cũng nên có một quyển từ điển tốt để các em học sinh có thể làm bài tập chín chu. Chính tả chuẩn xác, ngữ pháp chuẩn xác và các kĩ năng từ vựng chuẩn xác là điều thiết yếu đối với mỗi học sinh. Một người muốn tư duy mạch lạc thì cần phải có năng lực tiếng Anh và lớp Năm chính là thời điểm lí tưởng cho tất cả các cô cậu học sinh xây dựng và mở rộng vốn từ của mình.

Và tiếp nữa có cả một danh sách các cuốn từ điển mà cô Gran-gờ cho là "có thể dùng để học ở nhà."

Mẹ Ních nói: "Có một giáo viên luôn nghiêm túc hoàn thành bốn phận của mình như thế này quả là quá tốt."

Ních rên rĩ và cố gắng nuốt trôi miếng bánh kẹp. Nhưng kể cả bữa tráng miệng có dưa hấu cũng chẳng làm nó vui vẻ thêm được tí nào.

Ních không hay dùng từ điển. Nó rất thích từ ngữ và nó khá giỏi dùng từ. Nhưng nó phát hiện ra rằng nó biết được tất cả những từ mà nó cần đều chỉ bằng việc đọc và nó đọc suốt ngày.

Khi Ních gặp phải từ mà nó không hiểu, nó sẽ đem đi hỏi anh hoặc bố hoặc bất kì ai biết nghĩa của từ đó và nếu họ biết thì họ sẽ nói cho nó nghe. Nhưng không phải là cô Gran-gờ rồi. Nó đã được nghe tất tần tật về cô và nó đã nhìn thấy cảnh các anh chị lớp Năm năm ngoái, cắm mũi vào từ điển, cuống cuống hoàn thành tờ bài tập từ vựng trước khi vào tiết tiếng Anh.

Hằng còn một tuần trước khi vào năm học. Vậy mà chưa gì Ních đã cảm thấy năm lớp Năm này rồi sẽ lê thê lắm lắm.

(Theo An-đriu Clê-mân, Phơ-rin-đô)



1. Khi năm học còn chưa bắt đầu, cô Gran-gờ đã làm việc gì?

- A. Gửi thư cho học sinh.
- B. Nhắc nhở học sinh sử dụng từ điển.
- C. Gửi thư cho phụ huynh học sinh.
- D. Đi mua cuốn từ điển mới.

2. Cô Gran-gờ mong muốn phụ huynh điều gì?

- A. Mua sách vở mới cho con.
- B. Mua từ điển cho con.
- C. Giúp con hoàn thành bài tập ở nhà.
- D. Viết thư trả lời cô giáo.

3. Theo cô Gran-gờ, từ điển có tác dụng gì?

- A. Giúp học sinh làm bài tập chín chu.
- B. Giúp học sinh có năng lực ngôn ngữ.

C. Giúp học sinh xây dựng và mở rộng vốn từ.

D. Cả 3 ý trên.

4. Bạn Ních thường biết nghĩa của các từ bằng cách nào?

A. Dùng từ điển.

B. Đọc sách.

C. Hỏi cô giáo.

D. Viết thư.

5. Nếu gặp từ nào không hiểu, Ních sẽ làm gì?

A. Dùng từ điển.

C. Đọc sách.

B. Hỏi anh hoặc bố hoặc bất kì ai.

D. Viết thư hỏi cô giáo.

6. Theo em, cách Ních tìm hiểu nghĩa của từ có đúng không? Vì sao?

.....
.....
.....

Tiết 2



1. Qua câu chuyện Từ điển, em thấy lợi ích của việc dùng từ điển là gì?

.....
.....
.....
.....

2. Tra từ điển để tìm nghĩa của các từ dưới đây:

– biên cương:.....

– tuần tra:.....

– quy định:.....

– hội tụ:.....

3. Tra từ điển các từ sau để thấy nét nghĩa khác nhau của chúng.

– yêu quý:.....

– yêu mến:.....

– yêu dấu:.....

– yêu thương:.....

4. Đặt câu với các từ mà em vừa tìm được nghĩa ở bài tập 3.

-
-
-
-

Tiết 3



Đề bài: Viết bài văn kể lại câu chuyện Thạch Sanh.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

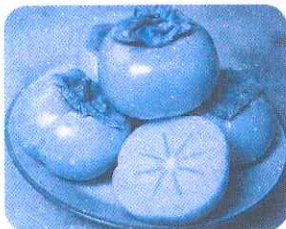
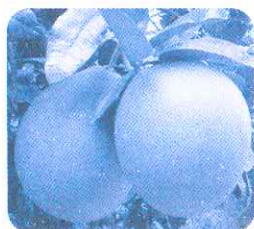
.....

.....

.....

Tiết 1

MÂM CỔ MÙA THU



Đầu vị của mâm cỗ mùa thu đâu chỉ là trái bưởi. Hồng mới là chủ soái cho cuộc hành trình rước trăng xuống trần gian vui tết Trung thu. Hồng Hạc quả vuông, vỏ xanh lá mạ. Hồng Lạng quả tròn, da nhuộm chút ánh vàng. Bỏ quả hồng càng thấy kì lạ. Hình như ruột quả chứa đầy lân tinh, đầy kim nhũ óng ánh sắc mặt trời, chứa đầy cái giòn, cái ngọt thanh. Mâm cỗ mùa thu không thể thiếu những thứ quả mùa thu ấy. Cốm nữa. Cốm thoảng hương lá sen già như cốm núa mùa hè ở lại thêm chút dư âm.

Ổi găng chín vàng, ổi nậm hơi chua, ổi nghệ hơi chát, ổi đào tươi như màu đào làm đẹp thêm cho mâm cỗ. Ngọt sắc là na. Những chùm quả sấu chín vàng như nắng. Gọt một quả sấu chín thành hình ruột gà, để thưởng thức vị ngọt, chua, giòn, lạ của nó, cho cái lưỡi một cảm giác đổi thay. Chuối tiêu nhuộm vàng màu trứng cuốc, thơm dịu, thịt mềm, vỏ mỏng, ruột trắng như ngà non, ăn với cốm rất ngon, mà ăn riêng nó càng ngon, càng tinh chất...

Các loại quả ấy là mồ hôi nước mắt bao người, nó cũng là tinh túy của đất trời đọng lại, là sắc màu và hương vị, là hình ảnh và tình quê hương cho ta gắn bó với nước non.

(Theo Bằng Sơn)

Chú thích:

- **Hồng Hạc**: hồng có nguồn gốc ở Bạch Hạc (Việt Trì, tỉnh Phú Thọ), ngày xưa thường được dùng để tiến vua.
- **Hồng Lạng**: hồng giòn, không hạt, có nguồn gốc từ Lạng Sơn.



1. Đầu vị (món đứng đầu và quan trọng nhất) của mâm cỗ mùa thu là những quả nào?

- A. chỉ là trái bưởi
- B. chỉ là trái hồng
- C. cả bưởi và hồng
- D. trái ổi

2. Mâm cỗ mùa thu không thể thiếu những gì?

- A. các thứ quả mùa thu
- B. cỗ
- C. các thứ quả cuối mùa hè
- D. cả hai ý A và B

3. Theo em, mâm cỗ mùa thu nói trong bài là gì?

- A. mâm cỗ trong ngày lễ Vu lan (rằm tháng Bảy)
- B. mâm cỗ ngày tết Trung thu (rằm tháng Tám)
- C. mâm cỗ thiếu nhi rước đèn Trung thu

Ý kiến khác của em:

4. "Chủ soái trong cuộc hành trình rước trăng xuống trần gian" là quả nào?

- A. trái bưởi
- B. trái hồng
- C. trái hồng Hạc
- C. trái hồng Lạng

5. Các thứ quả mùa thu kể trong bài gồm những quả nào?

- A. bưởi, hồng, ổi, na, sấu, chuối tiêu
- B. hồng Hạc quả vuông, vỏ xanh lá mạ
- C. hồng Lạng quả tròn, da nhuộm chút ánh vàng
- D. tất cả các ý trên

6. Nói "Các loại quả ấy là mồ hôi nước mắt bao người, nó cũng là tinh túy của đất trời đặng lại" là có ngụ ý gì?

- A. Con người đã rất vất vả chiến đấu với thiên nhiên mới có được các loại quả ấy.
- B. Công sức con người và thiên nhiên trời đất kết đọng trong các loại quả ấy.
- C. Mồ hôi nước mắt của con người là tinh túy của đất trời, đã tạo ra các loại quả ấy.
- D. Hai ý A và B.



1. Tìm trong đoạn thơ ở dưới:

- a) Danh từ chỉ người:
- b) Danh từ chỉ vật:
- c) Động từ chỉ hoạt động:
- d) Động từ chỉ trạng thái:

Bầy chim líu ríu trên cành
 Sáo nâu tập nói, vàng anh tập chào
 Quả cau rời khỏi cây cao
 Rủ lá trâu vào mừng tuổi bà em.

(Lê Ngọc Ninh)

2. Từ chủ soái trong câu "Hong mới là chủ soái cho cuộc hành trình rước trăng xuống trần gian vui Tết". thuộc từ loại nào?

- A. danh từ chỉ người
- B. danh từ chỉ vật
- C. động từ chỉ hoạt động
- D. động từ chỉ trạng thái

3. Tìm trong câu "Hong mới là chủ soái cho cuộc hành trình rước trăng xuống trần gian vui Tết".

- a) Động từ chỉ hoạt động:.....
- b) Động từ chỉ tình cảm, cảm xúc:.....

4. Hình ảnh những chùm quả sấu chín vàng như nắng gợi tả gì?

- A. Từng chùm sấu chín vàng như nắng.
- B. Màu vàng của chùm sấu chín lung linh như nắng.
- C. Nắng đã làm cho chùm sấu chín có màu vàng.
- D. Sấu chín có màu vàng của nắng.

Tiết 3

Đề bài: Thuật lại một giờ học ở lớp em.

1. Tìm ý

Giờ học em nhớ hoặc thích nhất là giờ nào (Toán/ Tiếng Việt, Tiếng Anh,...)
Cô giáo tên là gì? Hôm đó là ngày nào, em học bài nào?
Em đã chuẩn bị bài học ở nhà thế nào?
Cô giáo chuẩn bị những gì cho bài dạy?
Các bạn trong lớp thế nào?
Cô hỏi gì? Cô giảng gì?
Buổi học kết thúc thế nào?

2. Từ kết quả tìm ý ở trên, viết hoàn chỉnh bài văn.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NIỀM VUI SÁNG TẠO

Tuần 10

Tiết 1



BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI



Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

– Này, em không để chúng nó yên được à?

Nó vênh mặt:

– Mèo mà lại! Em không phá là được...

Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong, chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhỏ vào một cái lọ còn bỏ không. Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bổ mệ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.

Nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ. Hôm đó chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Vớ được bạn gái, nó mừng quỳnh lên. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Tại đây, Mèo đưa toàn bộ những bức tranh nó vẽ giấu ra cho bé Quỳnh xem. Chỉ thấy bé Quỳnh thỉnh thoảng lại reo lên khe khẽ. lát sau, bé Quỳnh chạy vào thì thăm gì đó với chú Tiến Lê khiến chú phải xin phép bố tôi theo bé Quỳnh ra vườn. [...] Từ ngoài vườn trở vào, mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm:

– Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?

Chú trải sáu bức tranh do Mèo vẽ ra trước mặt bố tôi. Đến lượt bố tôi ngày người ra như không tin vào mắt mình.

– Con gái tôi vẽ đây ư? Chẳng lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy!

Mẹ tôi vừa về, kịp nghe và kịp chứng kiến tất cả, cũng không tìm được xúc động. Theo chú Tiến Lê thì những bức tranh của Mèo rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào.

[...] Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Dường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát múc cám lợn, sứt một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến.

(Theo Tạ Duy Anh)



1. Vì sao Kiều Phương được anh gọi là Mèo?

- A. Vì bạn rất đáng yêu.
- B. Vì mặt bạn luôn bị bôi bẩn.
- C. Vì bạn hay lục lọi các đồ vật.
- D. Vì bạn hay phá phách.

2. Kiều Phương đã chế tạo màu vẽ như thế nào?

- A. Tự nhào bột, dùng nhọ nồi.
- B. Mua bột màu về hoà nước.
- C. Lục lọi màu vẽ của bố mẹ.
- D. Nhờ anh tìm màu vẽ hộ.

3. Tìm 1 chi tiết thể hiện sự đáng yêu của Kiều Phương.

.....
.....

4. Tài năng hội họa của Kiều Phương được phát hiện ra như thế nào?

- A. Kiều Phương cho con gái chú Tiến Lê xem tranh của mình.
- B. Chú Tiến Lê vô tình xem được tranh của Kiều Phương.
- C. Bố mẹ Kiều Phương thấy con vẽ.
- D. Anh trai Kiều Phương xem trộm tranh của em gái.

5. Chú họa sĩ Tiến Lê đã nhận xét về Kiều Phương như thế nào?

.....
.....

6. Điều đáng chú ý trong các bức tranh của Kiều Phương là gì?

- A. ngộ nghĩnh, dễ mến
- B. giống như thật
- C. màu sắc rực rỡ
- D. chỉ vẽ bố mẹ và anh trai

Tiết 2



1. Hãy viết 1 – 2 câu về ấn tượng của em với nhân vật Kiều Phương.

.....

.....

2. Tìm trong bài sau những từ ngữ chỉ hoạt động của người được dùng để tả các con vật, cây cối.

Bà còng đi chợ trời mưa
Cái tôm cái tép đi đưa bà còng
Đưa bà đến quăng đường đông
Đưa bà vào tận ngõ trong nhà bà
Tiền bà trong túi rơi ra
Tép, tôm nhặt được trả bà mua rau.

(Đồng dao)

.....

.....

3. Trong những đoạn trích sau, vật nào được nhân hoá và nhân hoá bằng cách nào (những từ ngữ nào thể hiện cách nhân hoá)?

Đoạn trích	Vật được nhân hoá	Cách nhân hoá	Từ ngữ thể hiện cách nhân hoá
a) Trong họ hàng nhà chổi thì có cô bé Chổi Rơm vào loại xinh xắn nhất. Cô có chiếc váy vàng óng, không ai đẹp bằng. Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp vàng tươi, được tết sẵn lại, cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như áo len vậy. (Vũ Duy Thông)			
b) Trâu ơi ta bảo trâu này Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta. (Ca dao)			

c) Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.

(Thép Mới)

4. Đặt 1 câu, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.

Tiết 3



1. Điền tiếp thông tin vào các ý sau cho chính xác.

a) Khi viết đoạn văn tưởng tượng dựa trên một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, người viết cần:

.....
.....

b) Có nhiều cách viết đoạn văn tưởng tượng như:

.....
.....

2. Hãy tìm ý cho đề văn sau:

Trong bài thơ *Việt Bắc*, Tố Hữu viết:

*Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù.*

Hãy tưởng tượng câu chuyện rừng Việt Bắc đánh giặc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

.....
.....
.....
.....
.....
.....



MÍT ĐẶC LÀM THƠ

Mít Đặc bảo các bạn:

– Này các cậu, mình đọc cho các cậu nghe một bài thơ mình vừa làm xong nhé.

– Thật à? Thơ cậu nói về cái gì thế? – Mọi người quan tâm hỏi.

– Về các cậu đấy! – Mít Đặc thú nhận.

– Đây mấy câu tặng cậu Biết Tuốt:

*Một hôm đi dọc theo dòng suối
Biết Tuốt nhảy qua con cá chuối.*

Biết Tuốt la lên:

– À, cậu trông thấy mình nhảy qua con cá chuối bao giờ thế?

Mít Đặc giải thích:

– Để cho nó vẫn vò thành thơ mà lị.

– Để cho nó vẫn à? Thế muốn cho nó vẫn thì cậu cứ bịa ra những điều sai sự thật hay sao? – Biết Tuốt tức giận.

– Đúng thế đấy! Điều gì đã có thật thì mình chẳng cần bịa đặt ra nữa. – Mít Đặc đáp.

– Nếu cậu còn làm như vậy nữa thì cậu sẽ biết tay mình! – Biết Tuốt đe dọa – Bây giờ thử xem cậu viết về các cậu khác ra sao nào?

– Các cậu nghe này, đây là thơ tặng cậu Nhanh Nhẩu:

*Nhanh Nhẩu dối, thật tội
Nuốt chửng bàn là nguội.*

Nhanh Nhẩu hét:

– Nó nói dối đấy! Mình có bao giờ nuốt cái bàn là nguội đâu.

– Cậu đừng giận, muốn cho nó vẫn, mình mới nói cái bàn là nguội. – Mít Đặc trả lời.

Nhưng Nhanh Nhẩu càng hét dữ hơn:

– Mình không bao giờ nuốt chửng cái bàn là nguội, nóng nào cả!

– Nào mình có nói là cậu nuốt chửng cái bàn là nóng đâu. Yên! Nghe thơ về cậu Ngộ Nhỡ đây:

*Có cái bánh nhân mỡ
Dưới gối cậu Ngộ Nhỡ.*

Ngộ Nhỡ lật ngay cái gối lên và cáu sullen tuyên bố:

– Lại nói dối rồi! Có cái bánh nào đâu!

– Khổ lắm, cậu chẳng hiểu thơ ca gì cả. Chỉ vì cho nó vẫn nên người ta mới nói là có cái bánh. [...] Các cậu đừng có cáu với mình nữa nhé.

Từ đó, Mít Đặc không bao giờ làm thơ nữa.

(Theo Ngô-xốp)



1. Mít Đặc tặng các bạn cái gì?

.....

2. Theo Mít Đặc, điều quan trọng trong việc làm thơ là gì?

- A. Bịa ra những điều sai sự thật.
- B. Phải có vần và mới thành thơ.
- C. Chỉ nói những điều có thật.
- D. Để các bạn cảm thấy vui.

3. Theo em, những bài thơ của Mít Đặc có phải là sự sáng tạo không? Vì sao?

.....
.....

4. Em thích câu thơ Mít Đặc tặng bạn nào nhất? Hãy chép lại và nêu lí do vì sao em thích.

.....
.....
.....
.....

5. Vì sao Mít Đặc quyết định không làm thơ nữa?

.....

6. Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong các câu thơ Mít tặng các bạn.

M: Một hôm đi dọc theo dòng suối

Biết Tuốt nhảy qua con cá chuối.

.....

Tiết 2



1. Em hãy nêu nhận xét của mình về nhân vật Mít Đặc.

.....

.....

2. Tìm các sự vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong những đoạn trích sau đây. Cho biết chúng được nhân hoá bằng cách nào.

a) Nước suối bốn mùa trong veo, dào dạt. Nước trườn qua kẽ đá, lách qua những mỏm đá ngậm tung bọt trắng xoá. Hoa nước bốn mùa xoè cánh trắng như trái thắm hoa đón mời khách gần xa đi về thăm bản.

(Vi Hồng – Hồ Thủy Giang)

.....

.....

b) Kì đà là cha cắc ké
Cắc ké là mẹ kì nhông
Kì nhông là ông cà cưỡng
Cà cưỡng là dượng kì đà
Kì đà là cha cắc ké.

(Đồng dao)

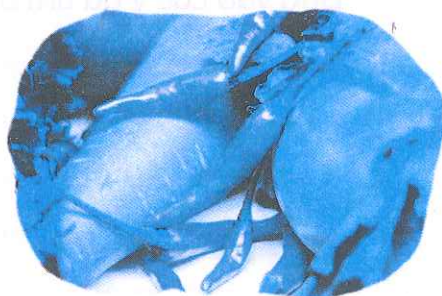
.....

.....

c)

Ngồi chơi trên đất
Là củ su hào
Tập bơi dưới ao
Đen sì củ ấu
Không cần phải nấu
Củ đậu mát lành

Lợn thích củ hành
Chó đòi riềng sả
Củ lạc đến hạ
Có hạt uống bia
Nước mũi ông hề
Là củ cà rốt.



(Đồng dao)

.....

.....

3. Em thích hình ảnh nhân hoá nào trong đoạn thơ sau? Nêu tác dụng của hình ảnh nhân hoá đó.

Ông trời nổi lửa đằng đông
Bà sân vấn chiếc khăn hồng đẹp thay
Bố em xách điếu đi cà
Mẹ em tát nước, nắng đầy trong khâu
Cậu mèo đã dậy từ lâu
Cái tay rửa mặt, cái đầu nghiêng nghiêng
Mụ gà cục tác như điên
Làm thẳng gà trống huyền thuyên một hồi
Cái na đã tỉnh giấc rồi
Đàn chuối đứng vỗ tay cười, vui sao!
Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương
Bác nổi đồng hát bùng boong
Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà.

(Trần Đăng Khoa)

4. Viết 1 – 2 câu có hình ảnh nhân hoá.

.....
.....

Tiết 3



Dựa vào các ý đã tìm được ở tiết 3, tuần 10, viết hoàn chỉnh đoạn văn.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



CHUYỆN LƯƠNG THẾ VINH

Hồi nhỏ, Lương Thế Vinh thường trèo bưởi trong vườn. Có lần quả bưởi rơi tồm xuống ao, Vinh hốt hoảng tưởng mất. Không ngờ bưởi lại nổi lên mặt nước và cậu dùng sào khều vào bờ, lấy được. Một lần khác, Vinh cùng các bạn chẵn trâu trong làng chơi trò đá bưởi ngoài đồng. Chẳng dè quả bóng bằng bưởi lăn xa rồi rơi tuột xuống một cái hố vừa sâu, vừa hẹp, khiến bọn trẻ lúng túng, không biết làm cách nào để lấy. Vừa lúc có một ông khách đi qua, thấy vậy bèn đỡ:

– Đứa nào lấy bưởi lên ta sẽ thưởng!

Trong khi chúng bạn đang loay hoay, đứa thì lấy thùng trâu thả thòng lọng thả xuống hố để buộc quả bưởi, nhưng bưởi tròn nên cứ tuột hoài, đứa thì chạy về nhà lấy sào để chọc,... còn Lương Thế Vinh lấy nón chạy đến vũng nước cách đấy không xa, múc nước đổ xuống hố. Vừa làm, cậu vừa vui miệng đọc:

Bưởi ơi nghe ta gọi

Đừng làm cao

Đừng trốn tránh

Lên với tao

Vui tiếp nào...!

Chẳng mấy chốc quả bưởi từ từ nổi lên và nằm gọn trong tay Lương Thế Vinh. Ông khách tấm tắc khen ngợi Vinh thông minh, sáng dạ và thưởng cho cậu tiền. Còn chúng bạn, đứa nào đứa nấy đều phục Vinh sát đất và thấy Vinh vừa làm vừa đọc lầm rầm, nên đã đồn đại rằng Vinh biết dùng phép "thần chú" gọi được quả bưởi từ dưới hố sâu lên.

(Theo Quốc Chấn)



1. Hồi nhỏ, Lương Thế Vinh thường làm gì?

- A. Trồng lúa. B. Bắt cá. C. Trèo cây bưởi. D. Thả diều.

2. Khi bưởi rơi xuống ao, Lương Thế Vinh phản ứng như thế nào?

- A. lúng túng B. hốt hoảng C. vui vẻ D. buồn bã

3. Quan sát quả bưởi rơi xuống ao, cậu đã phát hiện ra điều gì?

- A. Quả bưởi chìm xuống đáy ao.
B. Quả bưởi nổi lên mặt nước.
C. Quả bưởi xoay tròn trong nước.
D. Quả bưởi ngày càng xa bờ.

4. Lương Thế Vinh lấy quả bưởi dưới hố lên bằng cách nào?

- A. Lấy sào để chọc bưởi.
B. Lấy dây thừng thắt thòng lọng để buộc bưởi.
C. Lấy nón múc nước đổ xuống hố để bưởi nổi lên.
D. Đọc thơ để bưởi nổi lên.

5. Vì sao Lương Thế Vinh lấy được quả bưởi dưới hố lên?

- A. Vì cậu dùng phép "thần chú". C. Vì cậu nhờ các bạn giúp sức.
B. Vì cậu thông minh, sáng tạo. D. Vì cậu có sức khỏe.

6. Theo em, Lương Thế Vinh thông minh, sáng tạo ở điểm nào?

.....
.....

Tiết 2



1. Tìm từ chỉ đặc điểm của sự vật trong đoạn thơ sau:

Thẳng như lưng tôm,
Cong như cán cuốc.
Thơm nhất là ruốc,
Hôi nhất là hương.
Đặc như ống bương,
Rỗng như ruột gỗ.
Chó thì hay mổ,
Gà hay liếm la.

Xù xì quả cà,
Trơn như quả mít. [...]
Ngắn như cổ cò,
Dài như cổ vịt.
Đỏ như quả quýt,
Vàng như quả hồng.

(Về nói ngược)

.....
.....

2. Gạch dưới tính từ trong các đoạn sau:

a) Trời cao, cao bấy không xa
Đất kia rộng vậy thế mà dày sâu
Bể xa mây nước mù mù,
Biết mô cửa lạch, biết mô sông cùng...
(Ca dao)

b) Bấy giờ, ở vùng núi cao có nàng Âu Cơ xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm.
(Theo Sự tích Con Rồng cháu Tiên)

c) Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.
Nhị vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
(Bảo Định Giang)

d) Theo lời Thần dặn, chàng chọn gạo nếp thật dẻo thơm làm những chiếc bánh vuông vức, có nhân thịt đậu, để tượng hình Đất. Lại lấy lá xanh bọc ngoài, chẻ lạt buộc lại cẩn thận, rồi cho vào nồi lớn đổ nhiều nước, đun thật kĩ. Cũng với gạo nếp ấy, chàng đồ xôi, giã nhuyễn, làm thành những chiếc bánh tròn trặn, xinh xắn để tượng hình Trời.
(Theo Bánh chưng, bánh giầy)

3. Đặt câu có sử dụng 1 – 2 tính từ chỉ màu sắc một món đồ chơi của em hoặc đặc điểm của hoạt động buổi tối ở nhà của em.

.....
.....

4. Tìm 3 – 5 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động trong bài Bầu trời mùa thu (Tiếng Việt 4 tập một, trang 89).

.....
.....

Tiết 3



1. Bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc thường gồm mấy phần? Hãy liệt kê đầy đủ các phần đó.

.....

.....

.....

.....

2. Lập dàn ý và viết bài hướng dẫn các bước làm một đồ chơi từ các nguyên liệu tái chế.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 13

Tiết 1

CẬU BÉ NIU-TƠN

Sinh ra trong một gia đình nông dân ở Anh, năm 12 tuổi, cậu bé Niu-tơn mới được ra thành phố đi học. Thoạt đầu, cậu chỉ là một học trò bình thường. Cuối năm học thứ hai thì một chuyện bất ngờ xảy ra, đánh dấu một bước ngoặt trên con đường học tập của Niu-tơn. Hôm ấy, trong giờ nghỉ, Niu-tơn bị một cậu học sinh giỏi nhất lớp nhưng kiêu căng, ngỗ nghịch chế nhạo. Tức giận, Niu-tơn quyết chí học thật giỏi để chiếm lấy vị trí đứng đầu lớp. Bằng cách ấy, cậu sẽ

làm cho người bạn xấu tính kia hết kiêu căng, hợm hĩnh. Thế là Niu-tơn tự đề cho mình một kế hoạch học tập rất tích cực và cụ thể. Cậu miệt mài làm hết tất cả các bài tập thầy giáo ra. Bài học nào cậu cũng học thật kĩ, nắm thật chắc. Cậu đọc thêm nhiều sách, mãi mê quên ăn quên ngủ. Quả nhiên, chỉ mấy tháng sau, cậu đã vượt lên, trở thành học trò xuất sắc nhất lớp, được các bạn nể phục, thầy giáo ngợi khen.

Năm 16 tuổi, đang khao khát học hỏi, Niu-tơn buộc phải bỏ học về nông thôn sống với mẹ. Mẹ muốn hướng cậu vào công việc làm ăn buôn bán giúp đỡ gia đình. Nhưng Niu-tơn không hứng thú với công việc này. Cậu thường tìm mua sách rồi say sưa, mãi miết đọc.

Chú của Niu-tơn nhận thấy cháu có năng khiếu đặc biệt đã khuyên chị nên cho cháu học tiếp. Thế là năm 17 tuổi, Niu-tơn được vào học đại học. Trong trường, cậu đã đọc hầu hết công trình khoa học của các nhà bác học trước đó. Vì thế, sau này Niu-tơn đã cống hiến cho loài người nhiều phát minh có giá trị. Ví dụ, kính thiên văn nhìn thấu các vì sao, giúp con người nghiên cứu vũ trụ bao la chính là một trong những phát minh vĩ đại của ông. Niu-tơn đã trở thành nhà bác học nổi tiếng của thế giới như thế đấy.

(Theo Tsi-chi-a-cốp)



1. Niu-tơn sinh ra trong gia đình:

- A. nông dân B. giáo sư C. giáo viên D. công nhân

2. Chuyện đánh dấu bước ngoặt trên con đường học hành của Niu-tơn là gì?

- A. Năm 12 tuổi, cậu được ra thành phố học.
B. Lúc mới ra thành phố, cậu học chưa giỏi.
C. Cậu bị bạn học sinh giỏi nhất lớp nhưng kiêu căng, ngỗ nghịch chế nhạo.
D. Cậu không muốn về quê buôn bán với mẹ.

3. Vì sao Niu-tơn quyết học thật giỏi để đứng đầu lớp?

- A. Vì cậu muốn được tất cả các bạn trong lớp nể phục.
B. Vì cậu muốn gia đình tự hào về mình.
C. Vì cậu muốn được thầy giáo khen ngợi.
D. Vì cậu muốn cậu học sinh giỏi nhất lớp hết kiêu căng, hợm hĩnh.

4. Kế hoạch học tập mà Niu-tơn đề ra cho mình là gì?

- A. Say sưa đọc thêm nhiều sách.
B. Miệt mài làm hết các bài tập.

C. Học thật kĩ, nắm thật chắc bài học.

D. Cả 3 ý trên.

5. Vì sao Niu-tơn trở thành nhà bác học nổi tiếng của thế giới?

A. Vì ông được ra thành phố để học tập từ nhỏ.

B. Vì ông đọc hầu hết công trình khoa học của các nhà bác học trước đó.

C. Vì ông là học sinh xuất sắc nhất lớp.

D. Vì ông miệt mài học tập, say mê nghiên cứu, cống hiến cho loài người nhiều phát minh có giá trị.

6. Câu chuyện khuyên em điều gì?

.....
.....

Tiết 2



1. Xếp tính từ trong đoạn trích sau vào nhóm thích hợp.

Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày Rằm tháng Giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ra ở trên trời, mình cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

(Vũ Bằng)

a) Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật:.....

.....

b) Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động:

.....

2. Viết 1 – 2 câu có sử dụng tính từ tìm được ở bài tập 1.

.....
.....

3. Nối các tính từ ở cột A với yếu tố so sánh thích hợp ở cột B.

A
đen
trắng
đẹp
xấu

B
như tiên
như ma
như tuyết
như cột nhà cháy

4. Tìm những tính từ nêu phẩm chất cần có của người học sinh và đặt câu với 1 tính từ tìm được.

.....
.....

Tiết 3



1. Cho biết cách trình bày một lá đơn đúng quy định.

.....
.....
.....

2. Em hãy viết đơn xin tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật ở trường em.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

CHẤP CÁNH ƯỚC MƠ

Tuần 14

Tiết 1

ĐIỀU ƯỚC CỦA VUA MI-ĐÁT

Có lần Thần Đi-ô-ni-dớt hiện ra, cho vua Mi-đát được ước một điều. Mi-đát vốn tham lam nên nói ngay:

– Xin Thần cho mọi vật tôi chạm đến đều hoá thành vàng!

Thần Đi-ô-ni-dớt mỉm cười ưng thuận.

Vua Mi-đát thử bẻ một cành sỏi, cành đó liền biến thành vàng. Vua ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng nốt. Tưởng không có ai trên đời sung sướng hơn thế nữa!

Bọn đầy tớ dọn thức ăn cho Mi-đát. Nhà vua sung sướng ngồi vào bàn. Và lúc đó ông mới biết mình đã xin một điều ước khủng khiếp. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng. Mi-đát bụng đói cồn cào, chịu không nổi, liền chấp tay cầu khẩn:

– Xin Thần tha tội cho tôi! Xin Người lấy lại điều ước để cho tôi được sống!

Thần Đi-ô-ni-dớt liền hiện ra và phán:

– Nhà ngươi hãy đến sông Pác-tôn, nhúng mình vào dòng nước, phép màu sẽ biến mất và nhà ngươi sẽ gột rửa được lòng tham.

Mi-đát làm theo lời dạy của thần, quả nhiên thoát khỏi món quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước. Lúc ấy, nhà vua mới hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.

(Theo Thần thoại Hy Lạp)



1. Vua Mi-đát xin thần Đi-ô-ni-dớt điều gì?

- A. Có thật nhiều vàng bạc châu báu.
- B. Có một đôi tay bằng vàng.

- C. Mọi vật mà vua chạm đến đều hoá thành vàng.
- D. Đồ ăn thức uống toàn là vàng.

2. Điều ước đó đã linh nghiệm như thế nào?

- A. Mọi thứ vua chạm vào đều biến thành vàng.
- B. Mọi thứ xung quanh vua đều biến thành vàng.
- C. Mỗi khi vua muốn biến thứ gì thành vàng, thần Đi-ô-ni-dớt hiện lên sẽ biến nó thành vàng.
- D. Mọi thứ vua chạm vào đều biến thành vàng, sau đó nó sẽ lại trở về nguyên hiện trạng.

3. Chi tiết nào giúp vua Mi-đát hiểu ra điều ước của mình là khủng khiếp?

- A. Vua Mi-đát thử bẻ một cành sồi, cành đó liền biến thành vàng.
- B. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng.
- C. Vua ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng nốt.
- D. Nhà vua sung sướng ngồi vào bàn.

4. Khi phát hiện ra chuyện khủng khiếp từ điều ước mà mình đã cầu xin, vua Mi-đát nói điều gì với thần Đi-ô-ni-dớt?

.....
.....

5. Thần Đi-ô-ni-dớt đã bày cách nào để vua Mi-đát có thể giải thoát khỏi điều ước đó?

- A. Đến sông Pác-tôn và nhúng mình vào dòng nước, phép màu sẽ biến mất và vua sẽ rửa được lòng tham.
- B. Không được ăn uống bất cứ thứ gì.
- C. Không được bẻ cành sồi, không được ngắt trái táo.
- D. Chắp tay cầu khẩn thần Đi-ô-ni-dớt để xin tha tội.

6. Vua Mi-đát đã hiểu ra điều gì?

- A. Trước khi ước điều gì cần phải suy nghĩ chín chắn.
- B. Vàng bạc là thứ gây đau khổ cho con người.
- C. Tham lam vô độ sẽ tự chuốc lấy hậu quả cho mình.
- D. Hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.

7. Ý nghĩa của câu chuyện *Điều ước của vua Mi-đát* là gì?

- A. Con người cần phải có ước mơ.
- B. Tôn vinh trí tuệ của thần Đi-ô-ni-dốt.
- C. Trân trọng khát vọng giàu sang của con người.
- D. Phê phán những ước muốn tham lam của con người.

Tiết 2



1. Nối các tính từ ở cột A với yếu tố so sánh thích hợp ở cột B.

A

cao

thấp

to

nhỏ

B

như sếu vườn

lâu đều như cò hương

như vịt

như kiến

như voi

2. Điền các từ vào bảng sao cho các từ tăng dần mức độ từ trái sang phải.

M: bé xíu	bé	be bé
.....	lớn
.....	xinh
.....	xấu
.....	nhỏ
.....	to

3. Em hãy đọc thông tin sau và cho biết em thích màu sắc nào của con mèo nhất. Vì sao?

Về màu sắc của mèo: Đen thì đen như than, mắt vàng như lửa đèn. Trắng thì trắng như tuyết, mắt xanh như da trời. Đỏ thì đỏ như ngọn lửa. Trắng với những đốm đỏ. Đỏ với những đốm trắng. Xám như khói. Xám với lông vằn như hổ. Những đốm xám như báo. Xám với những màu vằn như mai rùa. Màu vàng cam. Màu vàng đào. Màu kem sữa. Màu xanh nhạt như sương mù buổi sớm...

(Theo Ô-bra-xốp)

.....
.....

Tiết 3

ĐÀN CHIM GÁY

Ông tôi bảo: "Tháng Năm chim gáy đi ăn đôi, tháng Mười chim gáy về theo đàn.". Thảo nào, bây giờ đang là mùa gặt tháng Mười, hàng đàn chim gáy cắn đuôi nhau, lượn vòng rồi sà xuống ruộng gặt.

Đó là những con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm, ngơ ngác nhìn xa. Cái bụng mịn mượt, cổ quàng chiếc "tạp dề" công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng gáy càng trong càng dài, mỗi mùa càng được vinh dự đeo thêm vòng cườm đẹp quanh cổ.

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì chim gáy về, bay vùn quanh trên các ngọn tre, rồi từng đàn sà xuống những thửa ruộng vừa gặt quang. Con mái xuống trước, cái đuôi lái lượn xoè như múa. Con đực còn nán lại trong bờ tre, cất tiếng gáy thêm một thôi dài, xong rồi anh chàng mới thung thính bước ra, ưỡn cái ngực đầy cườm biếc lượn nhẹ theo.

Chim gáy nhạt thóc rụng. Chim gáy tha thẩn, cặm cụi sau người đi mót lúa.

Tôi rất thích chim gáy. Con chim gáy phúc hậu và chăm chỉ, con chim gáy mơ màng, con chim no ăm của mùa gặt hái tháng Mười.

(Theo Tô Hoài)

1. Xác định phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn.

- Mở bài: từ
- Thân bài: từ
- Kết bài: từ

2. Để miêu tả đàn chim gáy, Tô Hoài đã quan sát những bộ phận và những đặc điểm nào của chúng?

.....
.....
.....
.....
.....

3. Em thích câu văn nào nhất? Vì sao?

.....
.....

Tuần 15

Tiết 1



LỜI HỨA

Khi ông Hiệu trưởng tới gần, Tốt-tô-chan nói to:

– Thưa thầy, em xin báo cáo với thầy một việc.

– Nào, việc gì nào? – Thầy hiệu trưởng hỏi một cách hân hoan khi thầy ngồi xuống sà và khoanh chân lại.

Tốt-tô-chan muốn nói với thầy quyết tâm của em sau nhiều ngày suy nghĩ. Tốt-tô-chan nói một cách chậm rãi, ngọt ngào, ra vẻ người lớn:

– Sau này lớn lên, em muốn dạy ở trường này. Thực như vậy ạ.

Tốt-tô-chan tưởng thầy hiệu trưởng sẽ cười, nhưng thầy lại hỏi một cách nghiêm túc:

– Thế em có hứa không?

Hình như ông thật sự muốn em hứa. Tốt-tô-chan gật đầu một cách mạnh mẽ và nói:

– Em xin hứa.

Trong lòng đầy quyết tâm trở thành một giáo viên của trường. Lúc ấy, em nhớ lại buổi sáng đầu tiên hôm em đến trường Tô-mô-ê, còn là một học sinh

lớp Một và gặp thầy hiệu trưởng trong văn phòng. Tưởng như chuyện ấy cách đây đã lâu lắm? Ông đã kiên nhẫn nghe em suốt bốn tiếng đồng hồ. Em nghĩ về giọng nói ấm áp của ông sau khi em đã trình bày hết: "Bây giờ em là học sinh của trường này?". Giờ đây, em thấy quý thầy hiệu trưởng hơn lúc đó nhiều. Và em quyết tâm làm việc cho ông và làm mọi việc để giúp ông.

Khi em đã hứa xong, thầy hiệu trưởng cười sung sướng. Tốt-tô-chan giơ ngón tay út ra. Thầy hiệu trưởng cũng làm như vậy. Cả hai thầy trò ngoắc hai ngón tay út vào nhau, như một lời hứa theo kiểu cổ truyền của Nhật Bản. Thầy cười và Tốt-tô-chan cũng cười một cách tự tin. Em sẽ là một giáo viên ở Tô-mô-ê! Thật là tuyệt!

(Theo Ku-rô-y-a-na-gi)



1. Văn bản nói về cuộc chuyện trò của ai?

- A. thầy giáo chủ nhiệm và học sinh
- B. thầy hiệu trưởng và Tốt-tô-chan
- C. thầy hiệu trưởng và thầy giáo chủ nhiệm
- D. thầy hiệu trưởng và các học sinh trong trường

2. Quyết tâm của Tốt-tô-chan sau nhiều ngày suy nghĩ là gì?

- A. Trở thành hiệu trưởng của trường.
- B. Trở thành giáo viên của trường.
- C. Trở thành người lớn.
- D. Trở thành một con người mạnh mẽ.

3. Khi nghe quyết tâm của Tốt-tô-chan, thầy hiệu trưởng có hành động gì?

- A. Mỉm cười vui sướng.
- B. Hân hoan hỏi em.
- C. Yêu cầu em hứa.
- D. Gật đầu đồng ý.

4. Vì sao Tốt-tô-chan muốn trở thành giáo viên của trường?

- A. Vì em thích nghề giáo viên.
- B. Vì em nhớ tới sự kiên nhẫn và giọng nói ấm áp của thầy hiệu trưởng trong buổi sáng đầu tiên em tới trường.
- C. Vì em quý thầy hiệu trưởng nên muốn làm việc cho ông và làm mọi việc để giúp ông.
- D. Vì thầy hiệu trưởng mong muốn điều đó.

5. Theo em, vì sao khi Tốt-tô-chan hứa, thầy hiệu trưởng lại cười sung sướng?

- A. Vì thầy yêu quý Tốt-tô-chan, muốn được tiếp tục làm việc với em sau này.
- B. Vì thầy yêu quý nghề giáo nên muốn các học trò của mình lớn lên sẽ làm nghề giáo.
- C. Vì thầy thấy học trò yêu thích và mong muốn được làm nghề giáo của mình.
- D. Vì thầy đã trực tiếp nhận Tốt-tô-chan vào học và dạy dỗ em.

Tiết 2



1. Tích ✓ vào ý nêu tác dụng của Dấu gạch ngang.

Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.	
Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.	
Nối các từ ngữ trong một liên danh.	
Đánh dấu phần chú thích.	

2. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong những câu dưới đây.

a) Khi ông Hiệu trưởng tới gần, Tốt-tô-chan nói to:

- Thưa thầy, em xin báo cáo với thầy một việc.
- Nào, việc gì nào? - thầy hiệu trưởng hỏi một cách hân hoan khi thấy ngồi xuống sàn và khoanh chân lại.

(Theo Ku-rô-y-a-na-gi)

b) Trao đổi những điểm cần lưu ý khi viết bài văn miêu tả con vật.

- Bố cục của bài viết
- Cách lựa chọn đặc điểm của con vật, cách miêu tả,...
- Cách trình bày bài viết.

c) Hà Nội và Quảng Bình đều có Bệnh viện Việt Nam – Cu-ba.

3. Tìm 1 – 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang trong bài *Con trai người làm vườn* (Tiếng Việt 4 tập một, trang 114 – 115) và cho biết công dụng của dấu gạch ngang trong câu đó.

Tiết 3



1. Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

(1) Những con ngan nhỏ mới nở được ba hôm chỉ to hơn cái trứng một tí. Chúng có bộ lông vàng óng. **Một màu vàng đáng yêu như màu của những con tơ nõn mới guồng.** Nhưng đẹp nhất là đôi mắt với cái mỏ. **Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con ngươi bóng mỡ.** Một cái mỏ màu nhung hươu, vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm như thế, mọc ngắn ngắn đằng trước. Cái đầu xinh xinh, vàng nuột và ở dưới bụng, lún chún hai cái chân bé tí màu đỏ hồng.

(Tô Hoài)

(2) Trăn thường nằm như một khúc gỗ mục, bất động hàng tháng. Hai mắt nó lồi ra thô lỗ, tròn xoe, sáng một cách ma quái. Cái miệng toang hoác, hai mép sâu quá nửa đầu với hàm răng chi chít như răng liềm mọc xuôi về phía cổ họng.

(Theo Vi Hồng – Hồ Thủy Giang)

a) Mỗi đoạn văn tả con vật nào?

b) Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn có tác dụng gì đối với việc miêu tả con vật?

c) Em thích cách miêu tả con vật trong đoạn văn nào? Tại sao?

2. Viết đoạn văn tả hoạt động của một vật nuôi trong nhà.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Theo em, thân bài của bài văn miêu tả con vật cần triển khai những ý gì?

.....

.....

.....

.....

Tuần 16

Tiết 1



BA ĐIỀU ƯỚC

Có hai vợ chồng nhà nọ, một hôm rỗi rãi ngồi bàn với nhau: Giá ta học được phép "cầu được ước thấy" thì thích biết mấy nhỉ?

Bụt nghe vậy, liền hiện lên, bảo:

– Ta sẽ ban cho vợ chồng người ba điều ước. Từ nay các người có thể "cầu được ước thấy".

Nói xong, Bụt biến mất.

Hai vợ chồng thích quá nhưng tranh cãi mãi mà chưa biết nên ước điều gì.

Một hôm, trời mưa to, hai vợ chồng ngồi dưới bếp rang ngô, chị vợ buột miệng nói:

– Ước gì bây giờ được miếng dôi chó mà ăn thì thích biết mấy.

Tức thì, một miếng dôi chó thơm lừng xuất hiện, rơi trước mặt người vợ. Thế là mất toi một điều ước.

Anh chồng thấy vậy bực quá, chỉ miếng dôi mắng vợ:

– Ước vàng ước bạc chẳng ước, lại ước một miếng dôi chó. Thế thì tôi cũng ước cho miếng dôi chó này dính ngay vào mũi cô cho cô biết thân!

Tức thì, miếng dôi chó bay lên, dính ngay vào mũi chị vợ. Hai vợ chồng sợ xanh mặt. Thế là mất toi hai điều ước.

Bây giờ, việc cấp thiết nhất là phải làm thế nào cho miếng dôi chó bay khỏi mũi người vợ. Anh chồng đành ngậm ngùi ước nốt điều cuối cùng:

– Ước gì miếng dôi chó bay khỏi mũi nhà tôi.

Tức thì miếng dôi chó biến mất. Thế là đi tong cả ba điều ước.

(Truyện dân gian Việt Nam)



1. Bụt ban cho hai vợ chồng nhà nọ cái gì?

- A. ba điều ước
- B. bắp ngô
- C. miếng dôi chó
- D. vàng bạc

2. Nhận được món quà của Bụt, hai vợ chồng làm gì?

- A. Đi rang ngô.
- B. Ngồi ngắm trời mưa.
- C. Tranh cãi.
- D. Bàn bạc với nhau.

3. Điều ước thứ nhất của họ là gì?

.....

4. Khi điều ước thứ hai thành sự thật, thái độ của hai vợ chồng như thế nào?

- A. thích thú
- B. bực bội
- C. sợ xanh mặt
- D. ngậm ngùi

5. Điều ước thứ ba được dùng để làm gì?

- A. Để thay đổi điều ước thứ hai.
- B. Để thực hiện ước mơ lâu nay của hai vợ chồng.
- C. Để anh chồng thấy vui.
- D. Để hai vợ chồng làm lành với nhau.

6. Dùng ba điều ước mà Bụt cho, hai vợ chồng đã đạt được mong ước "cầu được ước thấy" của mình như thế nào?

- A. Mỗi điều ước là của một người.
- B. Ba điều ước đều là mong ước của hai vợ chồng.
- C. Hai điều ước đầu là của mỗi người, chỉ có điều ước thứ ba là của hai vợ chồng.
- D. Ba điều ước đều là sự sắp đặt của Bụt.

7. Bài học mà câu chuyện đem lại cho chúng ta là gì?

- A. Cần ước những điều cao xa.
- B. Cần phải suy nghĩ cẩn thận, bàn bạc thống nhất mọi việc trước khi đưa ra quyết định.
- C. Sống trên đời phải có ước mơ.
- D. Cần phải chăm chỉ lao động, không nên mơ ước viễn vông.

Tiết 2



1. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi đoạn sau:

a) Bụt nghe vậy, liền hiện lên, bảo:

– Ta sẽ ban cho vợ chồng người ba điều ước. Từ nay các người có thể "cầu được ước thấy".

(Truyện dân gian Việt Nam)

.....

b) Cần trình bày đơn đúng quy định:

- Quốc hiệu, tiêu ngữ
- Tên đơn
- Nơi nhận đơn
- Nội dung đơn
- Địa điểm, thời gian viết đơn
- Chữ kí, họ và tên người viết đơn.

.....

c) Hội Hữu nghị Việt – Lào chính thức thành lập tháng 06 năm 2013.

.....

2. Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống trong những câu sau:

Mít Đặc bảo các bạn:

- Này các cậu, mình đọc cho các cậu nghe một bài thơ mình vừa làm xong nhé.
- Thật à? Thơ cậu nói về cái gì thế? Mọi người quan tâm hỏi.
- Về các cậu đấy! Mít Đặc thú nhận Đây mấy câu tặng cậu Biết Tuốt:

Một hôm đi dọc theo dòng suối

Biết Tuốt nhảy qua con cá chuối.

(Theo Nô-xốp)

Tiết 3



Đề bài: Viết bài văn miêu tả một con vật nuôi mà em biết.

Bài làm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NHỮNG CÁNH BUỒM

Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rục rờ biển xanh
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch,
Sau trận mưa đêm rả rích
Cát càng mịn, biển càng trong
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng
Nghe con bước, lòng vui phơi phới.

Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:

"Cha ơi, sao xa kia chỉ thấy nước thấy trời,
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?"

Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:

"Theo cánh bướm đi mãi đến nơi xa,
Sẽ có cây, có cửa, có nhà
Vẫn là đất nước của ta
Ở nơi đó cha chưa hề đi đến."

Cha lại dắt con đi trên cát mịn,
Ánh nắng chảy đầy vai
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời

Con lại trở cánh bướm xa hỏi khẽ:

"Cha mượn cho con cánh bướm trắng nhé,
Để con đi!"

Lời của con hay tiếng sóng thâm thì
Hay tiếng của lòng cha từ một thời xa thẳm
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

(Hoàng Trung Thông)



1. Bài thơ miêu tả cảnh biển vào thời điểm nào?

- A. hoàng hôn B. bình minh C. đêm tối D. giữa trưa

2. Bài thơ kể lại sự việc gì?

- A. Hai cha con dạo chơi trên bờ biển.
B. Hai cha con trò chuyện về ước mơ của con.
C. Hai cha con trò chuyện về vẻ đẹp của thiên nhiên.
D. Hai cha con dạo chơi trên bờ biển và trò chuyện về cuộc sống, về ước mơ.

3. Câu thơ nào miêu tả hình ảnh hai cha con?

- A. Bóng cha dài lênh khênh/ Bóng con tròn chắc nịch
B. Nghe con bước lòng vui phơi phới
C. Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời
D. Con lại trở cánh bướm xa hỏi khế

4. Hình ảnh hai cha con ở câu 3 gợi liên tưởng đến điều gì?

.....
.....

5. Câu hỏi của người con "Sao xa kia chỉ thấy nước thấy trời/ Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?" thể hiện điều gì?

- A. Thế giới còn có nhiều điều để con khám phá.
B. Ở nơi xa đó chỉ có nước và trời.
C. Nơi đó xa quá nên con không nhìn thấy nhà, cây, người.
D. Người con rất muốn được đi đây đi đó

6. Em hiểu thế nào về lời đề nghị của người con "Cha mượn cho con cánh bướm trắng nhé/ Để con đi!"?

- A. Người con muốn được đi du lịch với cánh bướm trắng.
B. Người con muốn được đến những nơi xa để khám phá những điều mới mẻ.
C. Người con muốn cha làm cho một cánh bướm trắng.
D. Người con muốn nói hộ ước mơ của người cha.

7. Hình ảnh những cánh bướm có ý nghĩa gì?

- A. Tượng trưng cho vẻ đẹp của biển cả.
- B. Tượng trưng cho vẻ đẹp của con người.
- C. Tượng trưng cho khát vọng được khám phá của con người.
- D. Tượng trưng cho tình cảm cha con.



Tiết 2

1. Tìm danh từ, động từ, tính từ trong khổ thơ cuối bài *Những cánh bướm*.

- Danh từ:
- Động từ:
- Tính từ:

2. Điền từ phù hợp vào những chỗ trống để hoàn chỉnh truyện sau:

tiên ông, điều ước, chàng, người hầu, vua, cung điện ước, thực hiện, gặp, vui, rình rập cao, bỗng bênh, rộng, mơ ước, sống, vang

BA ĐIỀU ƯỚC

(1) Ngày xưa, có một thợ rèn tên là Rít. Chàng được một tặng cho ba

(2) Nghĩ trên đời chỉ có là sung sướng nhất, Rít ước trở thành vua. Phút chốc, chàng đã đứng trong cung cấm tấp nập. Nhưng chỉ mấy ngày, chán cảnh ăn không ngồi rồi, Rít bỏ ra đi.

(3) Lần kia, một người đi buôn, tiền bạc nhiều vô kể, Rít lại có thật nhiều tiền. Điều ước được Nhưng có của, Rít luôn bị bọn cướp Thế là tiền bạc cũng chẳng làm chàng

(4) Chỉ còn điều ước cuối cùng. Nhìn những đám mây trên trời, Rít ước bay được như mây. Chàng bay khắp nơi, ngắm cảnh trời

..... biển Nhưng mãi rồi cũng chán,
chàng lại thèm được trở về quê.

(5) Lò rèn của Rít lại đỏ lửa, ngày đêm tiếng búa đe.
..... giữa sự quý trọng của dân làng, Rít thấy sống có ích mới
là điều đáng

(Truyện cổ tích Ba-na)

Tiết 3



1. Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện *Ba điều ước*.

.....
.....

2. Hoàn thiện bảng sau:

Một bức thư thường gồm những nội dung sau:

Phần đầu:
Phần chính:
Phần cuối:

3. Viết thư gửi cho một người bạn cũ về ước mơ của em.

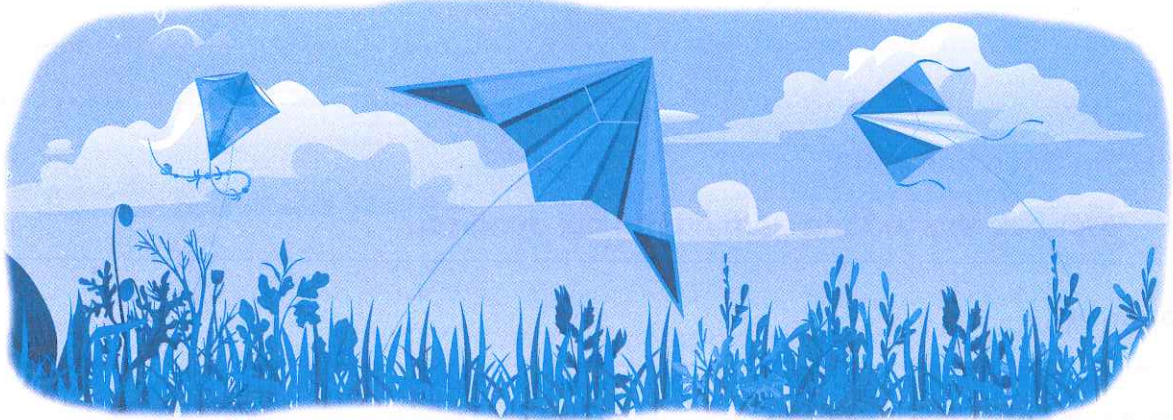
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

Tuần 18 ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I



XÂY NHÀ TRÊN TRỜI



A-bu-na-vác là một người thông minh, tài trí. Một lần, vua gọi anh vào cung, truyền cho: "Nội trong ba ngày, phải xây xong một ngôi nhà trên trời. Nếu không làm được, sẽ bị treo cổ".

A-bu-na-vác về nhà và nghĩ ra được một kế. Anh lấy giấy đỏ và hồ, cắt dán thành một cái điều to, buộc một cái chuông vào cánh điều. Lúc gió thổi mạnh, anh tung điều lên không trung. Sau đó, anh buộc dây điều vào một gốc cây. Thế rồi, anh vào cung tâu với vua: ngôi nhà trên trời đã xây xong. Vua nhìn lên trời xanh và thấy một chấm đỏ, nghe thấy tiếng chuông reo. A-bu-na-vác nói: "Thợ trên đó đang thiếu gỗ làm mái nhà nên rung chuông xuống. Xin đức vua cho chuyển đủ gỗ lên". Vua ra lệnh cho lính khuân gỗ đến.

Khi quân lính tới, A-bu-na-vác dẫn họ đến gốc cây có buộc dây điều và bảo họ leo lên. Đám lính tất nhiên chẳng thể leo lên được sợi dây, đành về bẩm với vua. Nhà vua nghe chuyện, cả giận nhưng rồi cũng bịt miệng:

- Làm sao có thể leo dây mà lên trời được!

Chỉ chờ có thế, A-bu-na-vác liền tâu:

– Đức vua đã biết vậy, sao còn bắt thần xây nhà trên trời ợ?

Vua không biết trả lời thế nào. A-bu-na-vác liền đến bên gốc cây, chặt đứt sợi dây cho con diều bay vút lên khoảng không bao la.

(Theo *Truyện vui dân gian thế giới*)



1. Vua ra lệnh cho A-bu-na-vác làm gì?

- A. BẮc thang trèo lên một ngôi nhà trên trời.
- B. Làm một cái diều có thể tự bay trong 3 ngày không có gió.
- C. Trong 3 ngày phải xây xong một ngôi nhà trên trời, nếu không sẽ bị treo cổ.
- D. Buộc một cái chuông to vào cánh diều, thả lên trời.

2. Theo lệnh vua, A-bu-na-vác nghĩ ra kế gì?

- A. Làm một cái diều to có treo chuông, thả cho bay lên trời.
- B. Làm một cái nhà nhỏ treo lên ngọn cây rất cao.
- C. Làm một cái thang gỗ tựa vào gốc cây để trèo lên trời.
- D. Làm một cái chuông treo lên ngọn cây rất cao.

3. Sau đó, A-bu-na-vác vào cung tâu với vua thế nào?

- A. Không ai lại ra lệnh oái oăm như thế.
- B. Nhà vua cần cho quân lính hỗ trợ.
- C. Ngôi nhà trên trời đã xây xong.
- D. Ngôi nhà trên trời đang hoàn thiện phần mái nhà.

4. Khi vua nhìn lên trời thấy một chấm đỏ, nghe thấy tiếng chuông reo, A-bu-na-vác đã nói gì?

- A. Thợ lợp mái rung chuông thông báo là phải chuyển gỗ lên.
- B. Thợ trên đó thông báo đang lợp mái nhà.
- C. Thợ trên đó thông báo sắp lợp xong mái nhà.
- D. Thợ rung chuông báo là công việc đã hoàn thành.

5. Khi vua cho quân lính mang gỗ đến, A-bu-na-vác làm gì?

- A. Bảo họ leo lên cái thang gỗ tựa ở gốc cây.
- B. Dẫn họ đến gốc cây có buộc dây diều và bảo họ leo lên.

- C. Bảo họ khiêng gỗ lên ngọn cây cao có gắn cánh điều.
- D. Bảo họ leo dây điều mà lên trời.

6. Theo yêu cầu của A-bu-na-vác, việc gì đã xảy ra?

- A. Quân lính không làm được.
- B. Nhà vua thừa nhận không thể leo dây lên trời.
- C. Quân lính không làm được, bị vua trừng phạt.
- D. Hai ý A và B.

7. Trong câu chuyện, sự thông minh, tài trí A-bu-na-vác biểu hiện ở điểm nào?

- A. Đổ lỗi cho quân lính không hoàn thành nhiệm vụ mình giao.
- B. Đổ lỗi cho quân lính không chịu mang gỗ đến.
- C. Nghĩ ra một kế khiến nhà vua phải tự thừa nhận yêu cầu vô lí của mình.
- D. Làm cho nhà vua phải thừa nhận sự mưu trí của mình.

8. Theo em, câu chuyện vui này có ngụ ý gì?

- A. Không nên đòi hỏi những điều vô lí.
- B. Thông minh, mưu trí có thể chuyển bại thành thắng.
- C. Sự sáng tạo của con người là vô tận.

Ý kiến khác của em:

9. Trong truyện dân gian Việt Nam, có câu chuyện nào viết về trí thông minh của con người?

.....

10. Tìm trong bài:

a) Những từ có nghĩa trái ngược nhau:.....

.....

b) Những từ có nghĩa giống nhau:

.....

c) Những tính từ chỉ màu sắc:

.....

d) Những tính từ chỉ phẩm chất:

.....

11. Từ nào có thể thay cho mỗi từ in đậm dưới đây:

Anh **lấy** ⁽¹⁾ giấy đỏ và hồ, **cắt dán** ⁽²⁾ thành một cái diều to, **buộc** ⁽³⁾ một cái chuông vào cánh diều. Lúc gió **thổi mạnh** ⁽⁴⁾, anh **tung** ⁽⁵⁾ diều lên không trung. Sau đó, anh buộc dây diều vào một gốc cây. Thế rồi, anh vào cung **tâu** ⁽⁶⁾ với vua: ngôi nhà trên trời đã **xây** ⁽⁷⁾ xong. Vua nhìn lên trời xanh và thấy một chấm đỏ, nghe thấy tiếng chuông **reo** ⁽⁸⁾.

(1) (2) (3)

(4) (5) (6)

(7) (8)

12. Tưởng tượng A-bu-na-vác không thả con diều lên trời mà mang về cung tặng lại cho nhà vua. Em hãy viết một đoạn kết khác cho câu chuyện *Xây nhà trên trời*.

Gợi ý: 1. A-bu-na-vác liền đến bên gốc cây, cởi dây diều mang về cung tặng vua. Abu-na-vác nói gì với nhà vua? Thái độ của vua thế nào? Vua nhận diều và sử dụng nó như thế nào? 2. Vua cũng ban tặng cho A-bu-na-vác một món quà gì đó. A-bu-na-vác sử dụng quà vua ban cho như thế nào, v.v.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

GỢI Ý ĐÁP ÁN MỘT SỐ BÀI TẬP

Tuần 1

Tiết 1: 2. chọn D; 3. chọn C; 5. Có thể chọn B hoặc nêu ý kiến khác.

Tiết 2: 1. lần lượt a: chữ, bạn, o, thùng, quả, quê ngoại, lời nhắn, vườn nhà, con, năm nay, quả, loại; b: con cò, câu, ca dao, giấc ngủ, giọng bà, cháu, đồng, mẹ, dòng, nương. 2. lần lượt: a (người): nhân dân, giáo viên, bác sĩ, thợ xây, ông nội, bà nội; b (đồ vật): xe máy, xe đạp, bàn ghế, thước kẻ, bút bi, giường, tủ; c (thời gian): buổi sáng, buổi trưa, ngày, tháng; d (hiện tượng tự nhiên): sóng thần, cơn lốc, gió bắc, mưa phùn, mưa rào.

Tiết 3: 1. Khi đã hiểu ra rồi, chữ O kết thân với số 0. 2. vd: Chữ O hiểu được sự khác biệt giữa hai bạn và kết thân với số 0./Chữ O hiểu ra và kết thân với số 0.

Tuần 2

Tiết 2: 2. Danh từ chung: thị trấn, lâu đài, ngôi nhà, vườn nho, dòng sông, thành phố, cầu, ông bố, con, thầy giáo, thầy, tóc, da, đầu (a), cột cờ, núi, xã, huyện, tỉnh (b); danh từ riêng: Ác-boa, Quy-giăng-xơ, Rơ-nê, Lu-i (a); Lũng Cú, Rông, Đồng Văn, Hà Giang (b); 3. lần lượt: a: danh từ riêng, vd: Ninh Bình, Quảng Ngãi, Kiên Giang, Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh vườn, thương; b: danh từ chung, vd: xã (Lũng Cú), huyện (Đồng Văn), tỉnh (Hà Giang); c: danh từ chung, vd: gió, mưa, bão.

Tuần 3

Tiết 1: 3. chọn B; 4. chọn C; 5. chọn C.

Tiết 2: 2. lần lượt: a: than, thiếc, phố phường, nắm, măng, trời, vại, mình, anh, nàng, chiếu, gạch, vôi tơ, lụa; b: Phấn Mễ, Cao Bằng, Hương Canh, Nga Sơn, Bát Tràng, Nam Định, Hà Đông. 3. vd: Suốt đêm, cây sồi nghiêng ngả chống chọi với cơn bão. Sáng hôm sau, cây sậy nhìn thấy sồi bị trôi theo dòng nước.

Tiết 3: a: lỗi kết hợp từ không đúng, cụ thể: đã duyên dáng thì nói chung không thể hăm hố, đã điểm đậm thì không thể lấu tấu; các đặc điểm: điểm đậm, ít nói không mâu thuẫn/đối lập với khả năng ca hát, cao kêu không mâu thuẫn với thông minh,... cho nên dùng nhưng ở đây là không đúng; b: em tự sửa lại đoạn văn.

Tuần 4

Tiết 1: 5. chọn C; 6. Có thể chọn B hoặc/và D.

Tiết 2: 1. Tên riêng địa lí: Việt Nam, (thôn) Nà Mạ, (xã) Trường Hà, (huyện) Hà Quảng, (tỉnh) Cao Bằng; (làng) Nhị Khê, (xã) Thượng Phúc, (huyện) Thường Tín, (thành phố) Hà Nội; Tên riêng cơ quan tổ chức: UNICEF Việt Nam, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, Liên hợp quốc, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Nhi đồng Cứu quốc; Tên người: Chủ tịch Hồ Chí Minh Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Khanh, Trần Nguyên Đán.

Tuần 5

Tiết 1: 2. chọn B; 3. chọn A; 5. có thể chọn C, hoặc nêu ý kiến riêng của em.

Tiết 2: 2. chọn B; 3. a. hoạt động: rải, thấp, lên; cống, tưới, khiêng, đi, vác, lên, chăm, trồng; b. trạng thái: rì rào; bận, vội vã. 4. vd: Gió thổi rì rào. Đàn én vội vã bay đi tránh rét.

Tuần 6

Tiết 1: 5. chọn B; 6. chọn B; 7. có thể chọn C, hoặc D.

Tiết 2: 1. a: hoa; b: dập dờn; 3. lần lượt điền từ 1 đến 8: lẳng nhăng, hỏi, lạnh lùng, quấy rầy, quát, giận dữ, trả lời, ghen tị.

Tuần 7

Tiết 1: 4. Chọn A; 6. Nhà thơ muốn ca ngợi sức sống kì diệu và mãnh liệt của thiên nhiên.

Tiết 2: 3. lần lượt điền: a. kính yêu, mong ước; b. sửng sốt, mừng rỡ, tiếc, ghen tị; 5. Gợi ý: a. ốm/ cảm/ mệt; b. khát/ mệt/ đau chân; c. đói/ mệt; d. ốm/ đau/ sốt.

Tuần 9

Tiết 1: 1. chọn C; 2. chọn B; 3. chọn B. 6. chọn B.

Tiết 2: 1. lần lượt: a; bà, em; b) chim, cành, sáo nâu, vàng anh, quả cau, cây lá, trâu; c: nói, chào, rời, rú; d: líu ríu, mừng. 2. chọn A. 3. a: rước, xuống; b: vui. 4. chọn A.

Tuần 10

Tiết 1: 2. chọn A; 4. chọn A; 6. chọn A. **Tiết 2:** 2. đưa, nhặt được; 3. a. chổi rơm – dùng từ ngữ chỉ người để gọi hoặc tả vật – họ hàng nhà chổi, cô bé, xinh xắn, có chiếc váy, áo; b. trâu – gọi con vật bằng những từ ngữ chỉ người – bảo; c. cây tre – dùng từ ngữ chỉ người để gọi hoặc tả vật – chống, xung phong vào xe tăng..., giữ làng...

Tuần 11

Tiết 1: 5. Vì không muốn các bạn hiểu nhầm và không chơi với mình nữa.

Tiết 2: 2. a. nước sôi – dùng từ ngữ tả người để tả vật; b. kì đà, cắc kè, kì nhông, cà cưỡng – gọi vật bằng những từ ngữ chỉ người; c. su hào, củ ấu, lợn, chó, cà rốt – dùng từ ngữ chỉ hoạt động, tình cảm của con người để chỉ hoạt động, tình cảm của vật;

Tuần 12

Tiết 1: 3. chọn B; 5. chọn B.

Tiết 2: 1. lần lượt: thẳng, cong, thơm, hôi, đặc, lỏng, xù xì, trơn, ngắn, dài, đỏ, vàng; 2. a. lần lượt: cao, cao, xa, rộng, dày, sâu, xa, mù mù; b. lần lượt: cao, xinh đẹp, thơm, lạ; c. lần lượt: đẹp, xanh, trắng, vàng, trắng, xanh, hôi tanh; d. lần lượt: dẻo thơm, vuông vức, xanh, ngoài, cẩn thận, lớn, nhiều, kĩ, nhuyễn, tròn trặn, xinh xắn.

Tuần 13

Tiết 1: 3. chọn D; 4. chọn D; 5. chọn D; 6. Hãy tìm niềm vui trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo để có thể thực hiện ước mơ của mình.

Tiết 2: 1. a. lần lượt: phai, mướt xanh, man mác, dùng đục, mờ, xanh tươi, trong trong, hồng hồng; b. lần lượt: dài, siêng năng.

3. lần lượt: đen như cột nhà cháy, trắng như tuyết, đẹp như tiên, xấu như ma.

Tuần 14

Tiết 1: 6. chọn C.

Tiết 2: 1. lần lượt: cao như sếu vườn, cao lêu đêu như cò hương, thấp như ụ, to như voi, nhỏ như kiến; 2. lần lượt: lớn lớn – lớn – lớn tướng, xinh xinh – xinh – xinh xắn, xấu xấu – xấu – xấu xí, nhỏ xíu – nhỏ – nhỏ nhỏ, to to – to – to đùng.

Tiết 3: 1. mở bài từ "Ông tôi bảo" đến "sà xuống ruộng gặt", thân bài từ "Đó là những con chim gáy hiền lành" đến "cặm cụi sau người đi mót lúa", kết bài từ "Tôi rất thích chim gáy" đến "mùa gặt hái tháng Mười".

Tuần 15

Tiết 1: 4. chọn B, 5. chọn C.

Tiết 2: 2. dấu gạch ngang dùng để a. đánh dấu lời nói trực tiếp và phần chú thích, b. dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê, c. nối các từ ngữ trong một liên danh.

Tuần 16

Tiết 1: 6. chọn C, 7. chọn B.

Tiết 2: 1. dấu gạch ngang dùng để a. đánh dấu lời nói trực tiếp, b. đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê, c. nối các từ ngữ trong một liên danh.

Tuần 17

Tiết 1: 5. chọn A, 6. chọn B, 7. chọn C.

Tiết 2: 1. Danh từ: lời, con, sóng, tiếng, lòng cha, biển khơi, cha, ước mơ; Động từ: thăm thì, gặp lại; Tính từ: xa thăm, vô tận; 2. lần lượt điền: chàng, tiên ông, điều ước, vua, người hầu, cung điện, gặp, ước, thực hiện, rình rập, vui, bỗng bệnh, cao, rộng, vang, sống, mơ ước.

Tuần 18

1. chọn C; 2. chọn B; 3. chọn C. 4. chọn A. 5. chọn B. 6. chọn D. 8. chọn B. 9. vd: Cậu bé thông minh, Bác nông dân và con quý, Trí khôn của ta đây,... 10. a: thiếu – đủ, lên – xuống ; b: to – mạnh; c: xanh, đỏ; d: thông minh, tài trí. 11. Có thể chọn điền từ 1 đến 8: dùng/sử dụng; tạo thành/làm; treo/nối; to/lên; thả/cho; nói/bảo; hoàn thành/làm; rung/kêu.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG

Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung: TRỊNH MAI NHI

Thiết kế sách: LÊ THẾ HẢI

Trình bày bìa: NGÔ QUANG THẾ

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.**

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.*

LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 4 – TẬP MỘT

Mã số: G1LH4V001H23 - HBE

In 20.000 bản (QĐ: 16/QĐI-HTEC), khổ 19 x 26,5cm

Đơn vị in: Công ty TNHH In và TM Sông Lam

Địa chỉ: Trụ sở: số 1 Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội

(Cơ sở in: ô số 4 - lô số 5 - CCN Lai Xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội)

Số ĐKXB: 1097-2023/CXBIPH/36-797/GD

Số QĐXB: 1657/QĐ-GD-HN ngày 02 tháng 06 năm 2023

In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2023

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-38054-8

Tập hai: 978-604-0-38056-2